ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
GIAI ĐOẠN 2015 – 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2025

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 11 NĂM 2015

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
GIAI ĐOẠN TỪ 2015 – 2020

Mục lục

STT	Nội dung	Trang
	Mục lục	1
	Danh mục từ viết tắt	3
	Phần thứ nhất – Nhu cầu xây dựng chiến lược phát triển	4
I.	**Mở đầu**	4
1.	Vai trò xây dựng chiến lược Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	4
2.	Những cơ sở pháp lý và nguồn tư liệu xây dựng chiến lược Trường	6
II.	**Sự phát triển của ngành giáo dục-đào tạo và kinh tế - xã hội tại địa phương trong thời gian qua**	7
1.	Sự phát triển ngành giáo dục – đào tạo	7
2.	Sự phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh	10
3.	Hệ thống trường đào tạo đối với nhu cầu xã hội	13
	Phần thứ hai – Tổng quan sự phát triển Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	15
I.	**Tình hình hoạt động Trường Cao đẳng Giao thông vận tải trong thời gian qua**	15
1.	Khái quát về quá trình thành lập Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	15
2.	Cơ cấu tổ chức của Trường	15
3.	Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên	16
4.	Cơ sở vật chất, kỹ thuật	17
5.	Thiết bị trường học	17
6.	Nguồn tài chính	18
7.	Các mối quan hệ bên ngoài Trường	19
8.	Kết quả hoạt động từ ngày thành lập Trường đến nay	19
9.	Đánh giá chung	24
10.	Bài học kinh nghiệm	25
11.	Các giá trị cốt lõi	25
II.	**Bối cảnh phát triển Trường Cao đẳng Giao thông vận tải**	26
1.	Bối cảnh quốc tế	26
2.	Bối cảnh trong nước	27
3.	Bối cảnh trong ngành giáo dục – đào tạo	28

4.	Bối cảnh địa phương – thành phố Hồ Chí Minh	30
5.	Cơ hội và thách thức	34
6.	Các nhân tố chủ yếu tác động đến sự phát triển của Trường	36
	Phần thứ ba - Xây dựng chiến lược phát triển	38
I.	**Sứ mạng – Tầm nhìn– Mục tiêu**	38
1.	Quan điểm phát triển	38
2.	Sứ mạng	39
3.	Tầm nhìn	39
4.	Mục tiêu	39
II.	**Các giải pháp chiến lược đến năm 2020**	42
1.	Các giải pháp về đào tạo và quản lý đào tạo	42
2.	Các giải pháp về phát triển đội ngũ	43
3.	Các giải pháp về nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và hợp tác quốc tế	44
4.	Các giải pháp về phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật	44
5.	Các giải pháp về tài chính	44
6.	Các giải pháp về phục vụ cộng đồng – Quảng bá thương hiệu	45
III.	**Các chương trình hành động thực hiện các mục tiêu chiến lược**	45
1.	Chương trình 1: Nâng cao chất lượng đào tạo	45
2.	Chương trình 2: Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên	45
3.	Chương trình 3: Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ trong quản lý - giảng dạy và thiết lập hợp tác quốc tế	46
4.	Chương trình 4: Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật	47
5.	Chương trình 5: Tìm kiếm nguồn vốn phát triển	47
6.	Chương trình 6: Mở rộng các liên kết với doanh nghiệp, địa phương – Tăng cường quảng bá thương hiệu	48
IV.	**Các bước thực hiện chiến lược**	48
V.	**Tổ chức thực hiện, đánh giá định kỳ và điều chỉnh chiến lược**	48
1.	Tổ chức thực hiện	48
2.	Hệ thống chỉ số kiểm tra	49
3.	Các mốc đánh giá và điều chỉnh chiến lược	49
	Phần thứ tư - Kết luận và kiến nghị	50
I.	**Kết luận**	50
II.	**Kiến nghị**	52

Danh mục các từ viết tắt

Từ viết tắt	**Diễn giải**
CB-GV-VC	Cán bộ, giảng viên, viên chức
CB-VC	Cán bộ, viên chức
CĐ	Cao đẳng
CNKT	Công nhân kỹ thuật
ĐH	Đại học
ĐH-CĐ	Đại học- Cao đẳng
GD-ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDQD	Giáo dục quốc dân
GDP (tiếng Anh)	Tổng thu nhập quốc nội
GRDP (tiếng Anh)	Tổng thu nhập quốc nội địa phương
GDQP	Giáo dục quốc phòng
GDTC	Giáo dục thể chất
GV	Giảng viên
KH-CN	Khoa học-công nghệ
KT-XH	Kinh tế-xã hội
HS, HV	Học sinh, học viên
HSSV	Học sinh, sinh viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
QHQT	Quan hệ quốc tế
SPKT	Sư phạm kỹ thuật
SV	Sinh viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TTGDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
TP	Thành phố
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	Ủy ban Nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XH-NV	Xã hội nhân văn

PHẦN THỨ NHẤT
NHU CẦU XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI GIAI ĐOẠN TỪ 2015 ĐẾN 2020

I. Mở đầu.

1. Vai trò xây dựng chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn hiện nay

Nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh đổi mới, hội nhập ngày càng sâu vào khu vực và thế giới. Cuối năm 2015 Việt Nam gia nhập sâu vào Cộng đồng ASEAN trên cả 3 trụ cột: gắn kết về an ninh-chính trị, liên kết về kinh tế và có trách nhiệm về văn hóa-xã hội. Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược hoặc toàn diện với nhiều nước trên thế giới, nhất là các quan hệ về kinh tế thông qua các hiệp định thương mại tự do đã hoặc sẽ được ký kết với Mỹ, Liên minh Châu Âu, Nhật bản, Liên minh Kinh tế Á-Âu... Nền kinh tế nước ta đang có dấu hiệu tăng trưởng khá hơn sau một thời gian chững lại vì khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tiến trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa đang được thúc đẩy phát triển với nhịp độ nhanh chóng. Các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu kinh tế phát triển nở rộ. Ngành dịch vụ tăng trưởng cả về khối lượng lẫn tỷ trọng trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân, tiến dần đến mô hình cơ cấu dịch vụ, công nghiệp-xây dựng và nông nghiệp của các nước trong khu vực ASEAN và quốc tế (năm 2014 khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 43,38%, công nghiệp-xây dựng chiếm 38,5%, nông-lâm nghiệp-thủy sản chiếm 18,12%) [1].

Trong tình hình đó, nền kinh tế-xã hội cần nguồn lực lao động có trình độ cao, có kỹ năng nghề nghiệp vững chắc và thái độ lao động tốt. Vì vậy, ngành giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục Đại học và Nghề nghiệp cần phải đi trước một bước để đào tạo và cung ứng lực lượng lao động có năng lực tốt đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế-xã hội. Muốn vậy, toàn ngành cũng như mỗi đơn vị giáo dục-đào tạo phải xây dựng chiến lược phát triển của ngành, đơn vị mình đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới cho giai đoạn trước mắt cũng như về lâu dài.

Chiến lược phát triển là kế hoạch phát triển dài hạn của Nhà trường trong đó chỉ ra nhiều mối quan hệ khác nhau, nội dung cơ bản là xác định mục tiêu dài hạn và các giải pháp ưu tiên để đạt mục tiêu đó. Để tăng giá trị định hướng, chiến lược được xây dựng như một kế hoạch dài hạn có độ dài từ 5 năm đến 10 năm. Đồng

thời để tăng tính hiện thực, chiến lược có bước đi cụ thể cho từng năm, cũng như khả năng điều chỉnh các mục tiêu chiến lược khi có những biến động lớn chưa được đề cập làm ảnh hưởng rõ rệt đến các mục tiêu đó.

Kế hoạch chiến lược của nhà trường phải trả lời được 4 câu hỏi sau đây,

- Trường hiện đang ở đâu?
- Trường muốn đi đến đâu trong tương lai 5 năm, 10 năm tới?
- Trường sẽ đi đến đó bằng cách nào?
- Trường sẽ đo kiểm sự tiến triển đến mục tiêu đó bằng cách nào?

Hiện nay trên cả nước có trên 500 trường Đại học-Cao đẳng (ĐH-CĐ), trong đó nhiều trường có bề dày hoạt động hàng 50-60 năm như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thành phố Hồ Chí Minh, ngành Giao thông vận tải có 2 trường Đại học, 01 phân hiệu của Đại học Hà Nội, 02 trường Cao đẳng, 02 trường Cao đẳng nghề.

So với các trường ĐH-CĐ nêu trên, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ Giáo dục và Đào tạo nâng cấp từ năm 2008, dù thời gian phát triển nhà trường chưa phải là dài (hơn 6 năm với 4 khóa Cao đẳng tốt nghiệp), nhưng trường cũng tích lũy được một số kinh nghiệm để có thể tự tin thực hiện các bước đi tiếp theo trên con đường phát triển của mình. Vì vậy, để tiếp tục tồn tại và phát triển trong tương lai, Trường cần xây dựng chiến lược nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 nhằm định hướng phát triển và vươn lên trong số hàng trăm trường ĐH-CĐ trên cả nước, cũng như hàng mấy chục trường ĐH-CĐ đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Vào năm 2010, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đã xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2015. Sau 5 năm triển khai thực hiện, nhiều mục tiêu trong Chiến lược đã được thực hiện gần đúng như kế hoạch dự kiến, trong đó mục tiêu trọng tâm là tăng trưởng quy mô học sinh-sinh viên và mở thêm nhiều ngành đào tạo bậc Cao đẳng. Trong giai đoạn 2015-2020 các mục tiêu này có thể được điều chỉnh theo mô hình nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở ổn định quy mô, phấn đấu cơ bản trở thành một trường Cao đẳng tiên tiến vào năm 2020 theo định hướng của ngành Giáo dục và Đào tạo cũng như của chính quyền thành phố.

Một số nội dung định hướng cho giai đoạn tiếp theo 2015-2020 cần được làm rõ trên cơ sở kế thừa những thành tựu phát triển nhà trường của 5 năm 2010-2015 và những thay đổi cấp vĩ mô của hệ thống giáo dục Đại học và chuyên nghiệp

trong giai đoạn này. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 là rất cần thiết.

Trường bảo đảm 2 điều kiện cho sự thành công chiến lược của mình:

– Sự cam kết của cấp lãnh đạo cao nhất Trường đối với quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược;

– Sự hưởng ứng tích cực của mọi thành viên trong Trường trong việc tham gia xây dựng và thực hiện chiến lược.

2. Những cơ sở pháp lý và nguồn tư liệu xây dựng chiến lược nhà trường.

a. Cơ sở pháp lý.

– Bộ *Luật Giáo dục Đại học* số 08/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/06/2012 trong đó quy định mục tiêu, tính chất, nguyên lý nhằm đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

– *Luật Giáo dục nghề nghiệp* vừa có hiệu lực tháng 7/2015 và Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ *Thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp*, tạo điều kiện nâng cao năng lực cho công tác dạy nghề;

– Nghị định 72/2015/NĐ-CP ngày 08/9/2015 của Chính phủ quy định về *Tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục Đại học*.

– *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020* ban hành theo quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

– Quyết định 568/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 8/4/2013 về *Điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau 2020*;

– *Chương trình hành động 1225/QĐ-BGDĐT* ngày 4/4/2013 của Bộ Giáo dục; Thông tư số 14/2009/TT-BGD-ĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 28/05/2009 quy định *Điều lệ hoạt động trường Cao đẳng*;

– Quyết định số 6939/2008/BGD-ĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15/10/2008 về việc *Thành lập Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh* và Quyết định số 4858/UBNDTP do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 11/11/2008 về việc *Ủy quyền quản lý Trường Cao đẳng GTVT cho Sở Giao thông vận tải*.

– Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành về *Tiêu chí trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh*.

– Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 24/05/2012 của UBND Tp.HCM về *Chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân và người lao động trong doanh nghiệp*.

b. Nguồn tư liệu.

Chiến lược phát triển năm 2015– 2020 của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải được xây dựng dựa trên nguồn tư liệu như sau:

– *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng lần thứ VIII nhiệm kỳ 2015-2020 của Đảng bộ Trường Cao đẳng GTVT; Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Sở Giao thông vận tải lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015-2020; Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X (2015-2020)*; *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ XII (2016-2020);*

– *Chương trình hành động 1225/QĐ-BGDĐT ngày 4/4/2013* của Bộ Giáo dục và đào tạo về Chiến lược phát triển giáo dục Đại học giai đoạn 2011 – 2020;

– *Các báo cáo Tổng kết hoạt động các Trường ĐH-CĐ* năm học từ 2011 đến 2015;

– *Các số liệu tổng hợp hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải và các số liệu thống kê của Cục Thống kê*;

– Góp ý của Sở GDĐT, Sở GTVT, các trường chuyên nghiệp, doanh nghiệp và CB-GV-NV trong Trường.

II. Sự phát triển của ngành giáo dục-đào tạo và kinh tế-xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh; Hệ thống nhà trường đào tạo đối với nhu cầu xã hội.

1. Sự phát triển của ngành giáo dục và đào tạo.

a. Những mặt thành tựu.

Trong các năm qua ngành giáo dục-đào tạo thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2015 đạt được những thành tựu sau [1]:

– Quy mô giáo dục và mạng lưới các cơ sở giáo dục phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội. Trong 90.728.900 dân cư cả nước (theo số liệu thống kê trung bình năm 2014) số người đi học như sau:

+ Tại thời điểm cuối năm học 2013-2014, cả nước có 13.867 trường mầm non; 15.337 trường tiểu học; 10.882 trường trung học cơ sở và phổ thông cơ sở; 2.758 trường trung học phổ thông; 242 trường phổ thông dân tộc nội trú; 687 trường phổ thông dân tộc bán trú và 715 trung tâm giáo dục thường xuyên (73 trung tâm cấp tỉnh và 642 trung tâm cấp huyện). Năm học 2013 - 2014, cả nước có

thêm 658 trường mầm non; 449 trường tiểu học; 416 trường trung học cơ sở và 98 trường trung học phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

+ Theo báo cáo sơ bộ, cả nước có 910,8 nghìn thí sinh tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp phổ thông năm học 2013 - 2014. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,02% (tăng 1,04 điểm phần trăm so với năm học trước), trong đó tỷ lệ tốt nghiệp loại khá, giỏi đạt 23,33%. Tỷ lệ tốt nghiệp hệ bổ túc trung học đạt 89,01% (tăng 10,93 điểm phần trăm), trong đó tỷ lệ tốt nghiệp loại khá, giỏi chiếm 3,9%.

+ Tính đến tháng 12/2014, cả nước có 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trong đó 08 tỉnh/thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.

+ Sự phát triển nhanh chóng các trường Đại học, Cao đẳng tạo điều kiện cho HS tốt nghiệp THPT vào học các trường ĐH-CĐ.

Chỉ tiêu và hệ số K các trường ĐH				Chỉ tiêu và hệ số K các trường CĐ			
Năm	Số thí sinh	Chỉ tiêu	Hệ số K	Năm	Số thí sinh	Chỉ tiêu	Hệ số K
2001	1.201.089	110.445	10,87	2001	494.939	55.125	8,97
2002	875.062	118.486	7,38	2002	287.393	57.035	5,03
2003	943.407	126.920	7,43	2003	343.361	64.670	5,30
2004	888.479	133.115	6,67	2004	412.464	72.150	5,71
2005	935.283	148.270	6,30	2005	364.823	83.350	4,37
2006	980.192	168.826	5,80	2006	417.049	101.789	4,09
2007	1.019.126	197.509	5,15	2007	349.081	148.015	2,36
2008	1.247.576	250.640	4,98	2008	416.364	198.415	2,10
2009	1.261.941	265.049	4,76	2009	352.842	244.057	1,45
2010	1.237.870	297.390	4,16	2010	351.435	230.435	1,53
2011	1.333.428	292.780	4,55	2011	364.616	250.646	1,45
2012	1.265.250	313.560	4,04	2012	298.924	243.358	1,23
2013	1.298.522	329.896	3,94	2013	229.105	273.609	0,84
2014	1.190.546	370.000	3,22	2014	181.120	270.000	0,67

Trong 14 năm qua chỉ tiêu các trường Đại học tăng hơn 3 lần còn chỉ tiêu các trường Cao đẳng tăng gần 5 lần.

+ Công tác đào tạo nghề tiếp tục được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm đầu tư. Tính đến thời điểm cuối năm 2014, cả nước có 1.340 cơ sở dạy nghề, bao gồm 165 trường Cao đẳng nghề; 301 trường trung cấp nghề; 874 trung tâm dạy nghề.

Những thành tựu đó của ngành giáo dục đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị của đất nước.

b. Những mặt hạn chế.

– Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về GDĐH chưa hoàn thiện; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học chưa kịp thời; một số chính sách về GDĐH ban hành chậm, chưa đồng bộ; một số chính sách đã bộc lộ hạn chế, bất cập nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời;

– Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân chưa đồng bộ, thiếu tính liên thông giữa các cấp học và các trình độ đào tạo. Hệ thống giáo dục-đào tạo chưa theo mô hình các nước trong khu vực và quốc tế, nên khó công nhận văn bằng, chứng chỉ của nhau, nhất là khi Việt Nam gia nhập sâu vào Cộng đồng văn hóa –xã hội ASEAN. Tổ chức phân luồng trong hệ thống giáo dục còn nhiều lúng túng. Tình trạng mất cân đối giữa cơ cấu trình độ đào tạo và cơ cấu ngành nghề đào tạo được khắc phục chậm, chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực của xã hội;

– Chất lượng giáo dục-đào tạo còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước và so với trình độ của các nước trong khu vực. Trong giáo dục chưa giải quyết được mâu thuẫn giữa tăng trưởng số lượng với nâng cao chất lượng. Trong giáo dục ĐH, quy mô đào tạo tăng trưởng mạnh do mở thêm nhiều trường trong lúc đó cơ chế, phương pháp quản lý chưa theo kịp. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành vẫn còn thiếu, chưa đảm bảo về tiêu chuẩn cũng như chất lượng. Hệ thống thư viện nhỏ bé, nghèo nàn, chưa cung cấp đủ thông tin cho giảng viên và người học;

– Nội dung chương trình giáo dục Đại học và Nghề nghiệp chậm đổi mới, chưa đáp ứng được mục tiêu giáo dục, giáo trình và tài liệu tham khảo còn thiếu và lạc hậu. Phương pháp dạy học cơ bản vẫn theo lối truyền thụ một chiều, người học ghi nhớ máy móc, chưa phát huy tư duy sáng tạo và tính tự học ở người học;

– Các chế độ, chính sách đối với nhà giáo chưa thỏa đáng, chưa tạo động lực phấn đấu vươn lên trong bản thân mỗi người thầy;

– Năng lực quản lý của cán bộ quản lý một số trường còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp quá trình đổi mới.

c. Nguyên nhân của những mặt hạn chế.

– Quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu chưa thực sự được thấu hiểu đúng mức ở các cấp quản lý và chỉ đạo giáo dục;

– Tư duy giáo dục chậm được đổi mới, chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong giai đoạn hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới;

– Công tác quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều bất cập, chồng chéo, thiếu tính thống nhất;

– Ngoài ra còn có những tác động khách quan của các lĩnh vực khác của nền kinh tế-xã hội trong và ngoài nước làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của ngành giáo dục và đào tạo.

2. Sự phát triển của kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh [2]**.**

a. Vị trí địa lý và đặc điểm chính.

– Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân nhất, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục quan trọng của Việt Nam. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Hồ Chí Minh có tọa độ 10°10' – 10°38' Bắc và 106°22' – 106°54' Đông, phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang. Nằm ở miền Nam Việt Nam, Thành phố HCM cách Hà Nội 1.730 km theo đường bộ, trung tâm thành phố cách cách bờ biển Đông 50 km theo đường chim bay. Với vị trí tâm điểm của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông quan trọng về cả đường bộ, đường thủy và đường không, nối liền các tỉnh trong vùng và còn là một cửa ngõ quốc tế.

– Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,01 km². Theo kết quả điều tra dân số chính thức vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 thì dân số thành phố là 8.047.700 người (chiếm 8,87% dân số Việt Nam), mật độ trung bình 3.841 người/km². Tuy nhiên, nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố vượt trên 9 triệu người. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 21,5 % tổng sản phẩm và 22,13 % giá trị sản xuất công nghiệp của cả quốc gia (năm 2014). Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, Thành phố HCM trở thành một đầu mối giao thông quan trọng của Việt Nam và Đông Nam Á, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không. Vào năm 2014, thành phố đón khoảng 4,4 triệu khách du lịch quốc tế và 17,6 triệu khách trong nước. Các lĩnh vực giáo dục,

truyền thông, thể thao, giải trí, Thành phố Hồ Chí Minh đều giữ vai trò quan trọng bậc nhất.

b. Sự phát triển của kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian qua.

– Về kinh tế

+ Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò đầu tàu kinh tế của cả Việt Nam. Thành phố chiếm 0,6% diện tích và 8,87% dân số của Việt Nam nhưng chiếm tới 21,5% tổng sản phẩm quốc gia, 22,13% giá trị sản xuất công nghiệp và 34,9% dự án nước ngoài (năm 2014). Vào năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 5,5 triệu lao động.

+ Năm 2015, thu nhập bình quân đầu người ở thành phố ước đạt 5.538 USD/năm, cao hơn nhiều so với trung bình cả nước khoảng 2.200 USD/người, năm. Cả giai đoạn 2010-2015 GDP bình quân đầu người tăng 2.695 USD. Bình quân 5 năm tốc độ tăng GDP ước đạt 9,6%/năm.

+ Nền kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh đa dạng về lĩnh vực, từ khai thác mỏ, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng đến du lịch, tài chính. Trong công nghiệp có các ngành chế biến lương thực-thực phẩm, hóa chất-cao su, cơ khí và điện tử-công nghệ thông tin là 4 ngành cộng nghiệp trọng yếu mà TPHCM sẽ tập trung phát triển trong thời gian tới. Cơ cấu đầu tư của thành phố năm 2014, khu vực nhà nước chiếm 19,4%, ngoài nhà nước chiếm 59,7%, còn lại 20,9% là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Về các ngành kinh tế, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất: 56,0%. Phần còn lại, công nghiệp và xây dựng chiếm 28,8%, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 0,8%.

+ Vào cuối năm 2014, Thành phố cũng đứng đầu cả nước về tổng lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với 5.280 dự án FDI, tổng vốn 36,3 tỷ USD. Riêng trong năm 2014, thành phố thu hút 547 dự án với vốn đăng ký mới và điều chỉnh tăng thêm đạt 3,214 tỷ USD.

– Về xã hội

+ Theo kết quả điều tra dân số ngày 31/12/2014 Thành phố Hồ Chí Minh có dân số 8.047.700 người (tháng 4 năm 2009 thì dân số thành phố là 7.162.864 người). Dân số thành phố tăng nhanh, trong hơn 5 năm từ tháng 4/2009 đến tháng 12/2014 dân số thành phố tăng thêm 884.836 người, bình quân tăng hơn 160.879 người/năm, tốc độ tăng 2%/năm.

Trong đó lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 5,5 triệu người (chiếm 69,73%); số người đang làm việc trong các thành phần kinh tế là 4 triệu

người; số người trong độ tuổi lao động từ các nơi khác đến Tp HCM học tập, sinh sống và làm việc là 1,7 triệu người;

Trên địa bàn thành phố có trên 100.000 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó các doanh nghiệp vừa và nhỏ (dưới 300 lao động) chiếm 98,5%. Đến cuối năm 2014, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đang làm việc trong các thành phần kinh tế đạt 61%, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh;

– **Về giáo dục**

Tình hình giáo dục đầu năm học 2014 – 2015:

+ Phổ thông: toàn thành phố có 938 trường phổ thông, tăng 16 trường so với năm học trước. Số phòng học 26.250 phòng, tăng 0,9%. Số lớp học 27.901 lớp, tăng 3%. Số giáo viên 48.488 người, tăng 3,2%. Số học sinh là 1.122.447 người, tăng 3,6%. Huy động 99,5% học sinh hoàn thành Tiểu học vào lớp 6 và 88% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học lớp 10.

+ Giáo dục bậc Đại học, trên địa bàn thành phố có trên 80 trường, đa số do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, trong đó chỉ có 2 trường Đại học công lập (Đại học Sài Gòn và Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch) và 5 trường Cao đẳng công lập (Trường Cao đẳng GTVT, Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Phú Lâm, Cao đẳng Kinh tế và Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng) do thành phố quản lý. Là thành phố lớn nhất Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh cũng là trung tâm giáo dục bậc Đại học lớn bậc nhất, cùng với Hà Nội. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với năm Đại học thành viên.

Nhiều Đại học lớn về Giao thông vận tải đã có mặt ở đây như Đại học Giao thông vận tải Hà Nội thành lập phân hiệu II, hoạt động mạnh như một trường Đại học hoàn chỉnh với các phòng thí nghiệm chuyên ngành rất hiện đại, có thể thực hiện hầu hết các thí nghiệm về vật liệu xây dựng công trình giao thông, hoặc Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí minh cũng đào tạo đầy đủ các chuyên ngành giao thông. Các trường Cao đẳng và Cao đẳng nghề cũng góp phần đào tạo nguồn kỹ thuật viên và công nhân lành nghề cho ngành và cho thành phố.

+ Mặc dù đạt được những bước tiến quan trọng trong thời gian gần đây nhưng giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Trình độ dân trí chưa cao và chênh lệch giữa các thành phần dân cư, đặc biệt là ngoại ô so với nội đô. Giáo dục đào tạo vẫn chưa đáp ứng cho nhu cầu của xã hội cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống cơ sở vật chất ngành giáo dục thành phố còn kém.

– **Về Giao thông vận tải**

Ngành giao thông vận tải thành phố đã thực hiện nhiều công trình trọng điểm của thành phố góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo diện mạo mới về giao thông đô thị, tăng vẽ đẹp mỹ quan đô thị thành phố.

+ Giao thông đường bộ và đường thủy: hoàn thành nhiều công trình giao thông trọng điểm có ý nghĩa to lớn trong việc góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố. Kết quả, đến cuối năm 2014 tổng chiều dài đường cải tạo và làm mới được 231km, xây dựng 65 cầu mới, nâng mật độ đường giao thông lên 1,9km/km^2. Hoàn thành 100% số đường đô thị được chiếu sáng hiệu suất cao. Xây dựng hoàn tất và đưa vào khai thác sử dụng 1.256 km đường giao thông nông thôn (đạt 100% chỉ tiêu đề ra). Các công trình giao thông này và các giải pháp đồng bộ khác góp phần kéo giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2011-2015 giảm khoảng 23% số vụ tai nạn giao thông cũng như số thương vong do tai nạn gây ra.

Đường thủy cũng được đầu tư thực hiện nhiều công trình như các kè bảo vệ bờ sông, nạo vét và duy tu các tuyến đường thủy nội địa. Đặt biệt là công trình nạo vét luồng sông Soài Rạp dài 54km, rộng 120-160m, sâu 9,5m, tiếp nhận tàu có trọng tải 50.000 tấn, có ý nghĩa to lớn trong việc mở ra luồng vận tải đường thủy thứ hai cho thành phố, góp phần phát triển đặc khu kinh thành phố Hồ Chí Minh sau này.

+ Vận tải hành khách công cộng: đến cuối năm 2014 sản ượng vận tải hành khách công cộng đạt 593 triệu lượt hành khách, đáp ứng 9,9% nhu cầu đi lại của người dân; số lượt hành khách năm sau cao hơn năm trước, góp phần hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân trong giao thông;

+ Các lĩnh vực giao thông vận tải khác như quản lý phương tiện giao thông, thanh tra giao thông cũng có nhiều hiệu quả và chuyển biến mới như tăng cường quản lý xe quá tải, xe cơi nới tăng thêm tải trọng…

3. Hệ thống trường đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải được xây dựng và hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Trường nằm trong số 80 cơ sở giáo dục ĐH-CĐ và 74 Trường có đào tạo bậc TCCN đóng trên địa bàn thành phố có nhiệm vụ đáp ứng

nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ từ bậc CĐ-ĐH trở xuống phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và cả nước.

– Đó là nhu cầu học tập của thanh niên sau khi kết thúc các cấp học giáo dục phổ thông để chuẩn bị tham gia vào thị trường lao động;

– Nhu cầu học thêm của những người đang lao động nhằm bổ túc nghề nghiệp hoặc muốn chuyển đổi nghề;

– Nhu cầu nghiên cứu và ứng dụng KH-CN để giải quyết các vấn đề trong sản xuất cũng như kinh tế - xã hội khác;

– Nhu cầu phục vụ cộng đồng dân cư trong thành phố và vùng lân cận.

Học sinh sau khi tốt nghiệp các cấp học giáo dục phổ thông có nhu cầu tiếp cận kiến thức và kỹ năng thuộc ngành nghề theo nguyện vọng.

Vì vậy, việc mở rộng quy mô cũng như ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo là một nhu cầu hết sức cấp thiết cho các Trường đào tạo trên địa bàn thành phố. Đặc biệt là các trường ĐH-CĐ đào tạo đa cấp, đa ngành đang là một mô hình hấp dẫn cho thanh niên có nhu cầu học tiếp ở bất cứ bậc học nào phù hợp nguyện vọng và khả năng học tập của mình. Đến lượt mình, khi các Trường được giao nhiệm vụ đào tạo với trình độ ngày càng cao hơn cộng với năng lực đào tạo đã có, phải xây dựng chiến lược phát triển để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo ở nhiều bậc trình độ đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học.

---

[1] *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2014* – Tổng cục thống kê Việt Nam, gso.gov.vn

[2] *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ chí minh năm 2014* – Cục thống kê thành phố Hồ Chí minh.

PHẦN THỨ HAI
TỔNG QUAN SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT

I. Tình hình hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải trong thời gian qua.

1. Tóm tắt quá trình thành lập Trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

– Trường Lái xe được thành lập theo quyết định số 697/QĐ-UB ngày 09/12/1977 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

– Trường Công nhân kỹ thuật được thành lập theo quyết định số 279/QĐ-TC ngày 18/03/1981 của Sở Giao thông vận tải TP.HCM trên cơ sở sát nhập 02 trường, Trường Công nhân kỹ thuật và Trường Lái xe.

– Trường Công nhân kỹ thuật - nghiệp vụ được thành lập theo quyết định số • 14/QĐ-TC ngày 09/04/1983 của Sở Giao thông vận tải TP.HCM trên cơ sở sát nhập 02 trường, Trường Công nhân kỹ thuật và Trường Nghiệp vụ.

– Trường Công nhân kỹ thuật đường thủy được thành lập theo quyết định số 126/QĐ-UB ngày 10/06/1985 và Trường Công nhân kỹ thuật đường bộ theo quyết định số 127/QĐ-UB ngày 10/06/1985 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM từ việc tách Trường Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ thành 02 trường.

– Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Giao thông – Công chánh được thành lập theo quyết định số 1268/QĐ-UB-NCVX vào ngày 27/02/1995 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM trên cơ sở hợp nhất 02 trường: Trường Kỹ thuật Đường thủy và Trường Công nhân kỹ thuật Đường bộ.

– Trường Trung học Giao thông – Công chánh được nâng cấp theo quyết định số 4946/QĐ-UB-QLĐT ngày 23/09/1998 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM từ Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Giao thông công chánh.

– Trường Cao đẳng Giao thông vận tải được nâng cấp theo quyết định 6939/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ Trường Trung học Giao thông – Công chánh.

– Hiện nay Trường do Ủy ban Nhân thành phố ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải quản lý.

2. Cơ cấu tổ chức Trường

a. **Ban giám hiệu:** 04 người, 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng

b. **Phòng chức năng:** 06 phòng quản lý

– Phòng Đào tạo

- Phòng Công tác học sinh - sinh viên
- Phòng Tài chính – Kế toán
- Phòng Tổ chức – Hành chánh
- Phòng Quản trị – Vật tư
- Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo

c. Khoa chuyên ngành: 07 khoa

- Khoa Kỹ thuật Ô-tô
- Khoa kỹ thuật Điện-Điện tử
- Khoa Kỹ thuật Xây dựng
- Khoa Công nghệ thông tin
- Khoa Kinh tế
- Khoa Đại cương
- Khoa Giao thông thủy

d. Phòng thí nghiệm chuyên ngành: 02 phòng

- Phòng Thí nghiệm Vật liệu xây dựng (LAS): trực thuộc trường
- Phòng thí nghiệm Ôtô: thuộc khoa Ôtô
- Dự kiến phòng thí nghiệm Điện-Điện tử sẽ được trang bị năm 2016.

đ. Trung tâm đào tạo ngắn hạn, sát hạch: trường có 03 trung tâm đào tạo nghề, bao gồm:

- Trung tâm đào tạo lái xe ôtô;
- Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe ôtô;
- Trung tâm đào tạo ngắn hạn và giới thiệu việc làm.

e. Các tổ chức đoàn thể

- Đảng bộ trường với 94 đảng viên (trong đó có 13 đảng viên là HS-SV) được tổ chức thành 08 chi bộ.
- Công đoàn cơ sở với 237 đoàn viên được tổ chức thành 18 tổ công đoàn.
- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM 2.110 đoàn viên được tổ chức thành 06 liên chi đoàn.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Tổng số CB-GV-CNV là 237 người. Trong đó: giảng viên là 110, giáo viên sơ cấp nghề là 56, nhân viên 71 người.

- Trong số 110 giảng viên, có 04 tiến sỹ, 62 thạc sỹ (4 đang NCS) và 44 Đại học.
- Trong số 56 giáo viên sơ cấp có 24 Đại học, 5 Cao đẳng, 19 trung cấp.

– Nhân viên: 71 người, trong đó có 2 thạc sỹ, 27 Đại học, 6 Cao đẳng.

4. Cơ sở vật chất – kỹ thuật Trường

a. Diện tích đất đai: tổng diện tích đất 9,48 ha

– Cơ sở 1: số 252 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, có 2.853 m^2;

– Cơ sở 2: Số 08 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, có 67.791 m^2;

– Cơ sở 3: Dương Đình Hội, phường Tăng Nhơn Phú, quận 9, có 21.101 m^2.

b. Diện tích xây dựng:

- Tổng diện tích sàn xây dựng đã được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đến 30/10/2012: 19.069 m^2

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo đến 30/10/2012: 13.261m^2.

Trong đó:

+ Giảng đường/phòng học: 56 phòng; diện tích sử dụng 5.997m^2;.

+ Hội trường: 7 ; diện tích sử dụng: 1000 m^2 ;

+ Phòng máy tính: 11 phòng; diện tích sử dụng: 800 m^2

+ Phòng ngoại ngữ: 03; diện tích sử dụng: 200 m^2

+ Thư viện: 01 phòng; diện tích sử dụng: 360 m^2

+ Phòng thí nghiệm: 05 phòng, diện tích sử dụng: 460 m^2

+ Xưởng thực tập, thực hành: 9 phòng, diện tích sử dụng: 4.588 m^2

+ Ký túc xá, nhà ăn sinh viên: số sinh viên ở trong Ký túc xá: 100; số phòng: 10 phòng; diện tích sử dụng: 550 m^2; diện tích nhà ăn: 402 m^2

+ Nhà đa năng, khu thể dục thể thao: diện tích sử dụng 2.988 m^2

+ Và các công trình khác.

c. Bến huấn luyện: Trường có một bến tàu thủy nội địa trên sông Sài Gòn, đặt tại Quận Bình Thạnh, TP.HCM với 03 tàu thực tập, trong đó có 01 tàu 400 tấn.

5. Thiết bị trường học

– Thiết bị máy tính, số thiết bị đào tạo: 414 máy tính

– Thí nghiệm: số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng: 107 thiết bị

– Thư viện: số đầu sách, giáo trình cho giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 12.000 cuốn;

– Thực hành, thực tập: số thiết bị thực hành, thực tập chuyên dùng: 53 thiết bị cho các chuyên ngành.

6. Nguồn thu tài chính

Nguồn thu tài chính của Trường thực hiện theo điều 31 Điều lệ Trường Cao đẳng, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nguồn thu tài chính của Trường từ ngân sách Nhà nước và nguồn thu sự nghiệp [3].

Năm học 2010 - 2011 kết quả các nguồn thu như sau:

Tổng thu: 58,261 tỷ đồng, gồm vốn sự nghiệp và vốn ngân sách:

- Vốn Sự nghiệp 45,871 tỷ đồng, đạt 78,74% tổng nguồn vốn;
- Vốn Ngân sách 12,390 tỷ đồng đạt 21.26% tổng nguồn vốn.

Năm học 2011-2012 kết quả các nguồn thu như sau:

Tổng thu: 58,537 tỷ đồng, gồm vốn sự nghiệp và vốn ngân sách:

- Vốn Sự nghiệp 36,896 tỷ đồng, đạt 63,03% tổng nguồn vốn;
- Vốn Ngân sách 21,641 tỷ đồng đạt 36,97% tổng nguồn vốn.

Năm học 2012-2013 kết quả các nguồn thu như sau:

Tổng thu: 73,805 tỷ đồng, gồm vốn sự nghiệp và vốn ngân sách:

- Vốn Sự nghiệp 43,197 tỷ đồng, đạt 58,53% tổng nguồn vốn;
- Vốn Ngân sách 30,608 tỷ đồng đạt 41,47% tổng nguồn vốn.

Năm học 2013-2014 kết quả các nguồn thu như sau:

Tổng thu: 73,702 tỷ đồng, gồm vốn sự nghiệp và vốn ngân sách:

- Vốn Sự nghiệp 44,291 tỷ đồng, đạt 60,09% tổng nguồn vốn;
- Vốn Ngân sách 29,411 tỷ đồng đạt 39,91% tổng nguồn vốn.

Năm học 2014-2015 kết quả các nguồn thu như sau:

Tổng thu: 82,440 tỷ đồng, gồm vốn sự nghiệp và vốn ngân sách:

- Vốn Sự nghiệp 43,728 tỷ đồng, đạt 60% tổng nguồn vốn;
- Vốn Ngân sách 38,711 tỷ đồng đạt 40% tổng nguồn vốn.

Trong 5 năm từ 2010-2015 tổng các nguồn thu như sau:

Tổng thu: 346,745 tỷ đồng, gồm vốn sự nghiệp và vốn ngân sách:

- Vốn Sự nghiệp 213,983 tỷ đồng, đạt 63,52% tổng nguồn vốn;
- Vốn Ngân sách 132,761 tỷ đồng đạt 36,48% tổng nguồn vốn.

Hàng năm qua Hội nghị Cán bộ - Công chức, Trường ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ, công khai minh bạch các khoản thu – chi, cân đối phân bổ nguồn kinh phí cho các mặt hoạt động, đảm bảo mục tiêu đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động

và phát triển. Bên cạnh đó sử dụng tiết kiệm các nguồn thu để tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Tuy vậy, do kinh phí và các nguồn thu có giới hạn, Nhà trường cố gắng cân đối phục vụ tốt các yêu cầu hoạt động, nhưng cơ bản cũng chỉ đủ cho các hoạt động như mua sắm trang thiết bị cơ bản, sửa chữa nhỏ, hoạt động thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho CB-GV-CNV và nghiên cứu khoa học. Vì vậy, kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển, xây dựng cơ bản và trang thiết bị chuyên sâu còn hạn chế.

Đánh giá chung về nguồn thu Trường Cao đẳng Giao thông vận tải:

– Mặt mạnh:

+ Có nguồn thu tương đối ổn định, phục vụ khá tốt công tác đào tạo;

+ Trang thiết bị chính phục vụ công tác đào tạo các ngành nghề khá đầy đủ và từng bước hiện đại;

+ Chủ động tăng cường các nguồn thu để ngoài việc trang trãi các hoạt động đào tạo, Trường quan tâm đến chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

– Mặt yếu:

+ Kinh phí ngân sách cấp cho Trường về đầu tư chiều sâu cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phát triển còn hạn hẹp;

+ Các nguồn thu ngoài ngân sách còn hạn chế và không ổn định.

7. Các mối quan hệ ngoài Trường.

Trường đã xây dựng mối quan hệ gắn bó với hàng trăm công ty, đơn vị trên địa bàn thành phố và các tỉnh để đưa HS-SV thực tập sản xuất hàng năm. Qua đó các HS-SV tiếp cận được quy trình sản xuất trên thực tiễn, góp phần vào việc hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho các em.

Trường cũng thực hiện bồi dưỡng nâng cao trình độ, nâng bậc thợ cho đội ngũ công nhân trong ngành Giao thông vận tải, cũng như các ngành khác có nhu cầu.

8. Kết quả hoạt động từ ngày thành lập Trường đến nay.

a. Về công tác chính trị tư tưởng và tổ chức bộ máy.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải chấp hành nghiêm túc các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thể hiện trên các mặt:

– Giữ vững ổn định hoạt động trong Trường: tập thể Ban lãnh đạo đoàn kết tốt, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng của Trường như công tác đào

tạo, chăm lo tốt đời sống người lao động, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ giảng dạy và học tập.

– Trường có môi trường sư phạm lành mạnh, tập thể giảng viên đoàn kết, tác phong làm việc khoa học, có hiệu quả. Môi trường tự nhiên xanh, sạch, đẹp, an toàn.

– Các tổ chức đoàn thể tích cực vận động việc chấp hành nội quy, quy chế Nhà trường và pháp luật Nhà nước thông qua việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng CB-GV-CNV và tổ chức tốt các phong trào văn thể mỹ cũng như phong trào khác cho giảng viên, HS-SV.

– Trường đã thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" nghiêm túc, có chiều sâu, có hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động trong đội ngũ, góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh.

Vì vậy, Trường đã được cấp trên tặng nhiều danh hiệu thi đua trong đó có các danh hiệu nổi bật như sau:

– Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng nhất vào năm 2012, hạng nhì vào năm 2006.

– BCH Đảng bộ TPHCM tặng cờ cho Đảng bộ trường Cao đẳng GTVT là "Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 05 năm 2005-2010".

– Công đoàn Trường được Công đoàn Sở GTVT công nhận "Công đoàn vững mạnh xuất sắc" nhiều năm liền.

– Đoàn Thanh niên Trường được Đoàn Sở GTVT đánh giá là "Cơ sở Đoàn xuất sắc" nhiều năm liền.

b. Về công tác đào tạo.

– **Quy mô** [4]**.**

Đơn vị tính: học sinh

Năm học	**Hệ chính quy**	**Hệ sơ cấp nghề**	**Lớp bồi dưỡng nâng bậc** (*)	**Ghi chú**
2010-2011	2.690	4.148	1.741	(*) Thời gian bồi dưỡng < 1 tháng
2011-2012	3.300	5.096	2.451	
2012-2013	3.771	4.543	2.868	
2013-2014	3.093	2.849	1.386	
2014-2015	3.438	2.925	2.376	

– **Ngành nghề đào tạo.**

Trường được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Lao động –Thương binh - Xã hội cho phép đào tạo các ngành nghề như sau:

+ Bậc Cao đẳng, gồm 09 ngành đang đào tạo:

(1) Công nghệ kỹ thuật Ô-tô; (2) Công nghệ kỹ thuật Xây dựng; (3) Kế toán; (4) Công nghệ kỹ thuật Điện; (5) Tin học ứng dụng; (6) Quản trị kinh doanh. (7) Điều khiển và tự động hóa; (8) Công nghệ kỹ thuật xây dựng; (9) Khai thác vận tải.

+ Bậc Trung cấp chuyên nghiệp, gồm 12 chuyên ngành:

(1) Sửa chữa máy vi tính; (2) Sửa chữa, khai thác thiết bị cơ khí ôtô; (3) Điện công nghiệp và dân dụng; (4) Thi công nền móng cầu đường; (5) Phân tích lập trình; (6) Quản lý doanh nghiệp vận tải; (7) Kế toán giao thông vận tải; (8) Điện lạnh công nghiệp và dân dụng; (9) Xây dựng dân dụng; (10) Khai thác vận tải; (11) Điều khiển phương tiện thủy; (12) Xây dựng công trình cảng thủy.

+ Bậc Cao đẳng nghề, gồm 7 nghề:

(1) Kế toán doanh nghiệp; (2) Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ; (3) Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); (4) Công nghệ ôtô; (5) Xây dựng cầu đường bộ; (6) Kỹ thuật xây dựng; (7) Điện công nghiệp.

+ Bậc sơ cấp nghề:

(1) Lái xe ôtô; (2)Vận hành xe thi công cơ giới: 6 nghề; (3) Điều khiển phương tiện thủy nội địa; (4) Vận hành máy phương tiện thủy nội địa; (5) Kế toán sơ cấp.

+ Bồi dưỡng nâng bậc nghề giao thông vận tải.

– **Kết quả đào tạo** [5]**:**

❖ **Bậc Trung cấp chuyên nghiệp.**

Thống kê kết quả và hiệu suất đào tạo bậc TCCN từ năm 1998 đến 2014:

Niên khóa	Số học sinh nhập học	Số học sinh tốt nghiệp	Hiệu suất đào tạo (%)
1998-2000	175	103	58.9
1999-2001	297	186	62.6
2000-2002	312	211	67.6
2001-2003	490	269	54.9
2002-2004	575	377	65.6
2003-2005	619	413	66.7
2004-2006	605	479	79.2
2005-2007	776	545	70.2
2006-2008	866	556	64.2

2007-2009	815	556	68.2
2008-2010	780	464	59.49
2009-2011	798	432	54.14
2010-2012	812	483	59.48
2011-2013	793	376	47.42
2012-2014	745	397	53.29
2013-2015	192	125	65.1
TỔNG CỘNG	**9.650**	**5.972**	**61,88**

❖ **Bậc Cao đẳng.**

Niên khóa	Số học sinh nhập học	Số học sinh tốt nghiệp	Hiệu suất đào tạo (%)
I. Chính quy			
2009-2012	440	289	65.70
2010-2013	615	443	72.03
2011-2014	716	506	70.67
2012-2015	1.161	825	71.1
2013-2016	1.084		
2014-2017	1.243		
2015-2018	1.160		
Cộng I	6.416	2.063	70.36(*)
II. Liên thông			
2009-2011	102	80	78.4
2010-2012	235	209	88.90
2011-2013	266	214	80.45
2012-2014	221	207	93.67
Cộng II	824	700	84.95
CỘNG I + II	**7.240**	**2.763**	**73.56(*)**

(*) Tổng hiệu suất chỉ tính các năm có học sinh tốt nghiệp

– **Chất lượng đào tạo.**

+ Công tác đổi mới phương pháp giảng dạy: các giảng viên đã thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, thay cho phương pháp giảng dạy truyền thống giảng viên chỉ chuyển tải thông tin còn người học thụ động.

+ Tăng cường trang thiết bị giảng dạy: Trường đầu tư trang bị các phòng thí nghiệm chuyên ngành như phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng, phòng thí nghiệm và kiểm định ô-tô, các trang thiết bị dạy học như máy tính xách tay và máy đèn

chiếu cho giảng viên để hỗ trợ giảng dạy. Trường hoàn thành xây dựng cơ sở 3 vào năm học 2011-2012 đủ điều kiện cho hơn 1.000 học sinh-sinh viên học tập tại đây.

+ Công tác quản lý quá trình đào tạo: Ngay từ đầu năm học, căn cứ chương trình đào tạo nhà trường xây dựng tiến độ giảng dạy, phân công khối lượng giờ giảng cho các giáo viên thực hiện. Trường thường xuyên tổ chức tiến hành dự giờ giảng viên nhằm kiểm tra việc thực hiện tiến độ, nội dung giảng dạy. Hằng năm đều tổ chức Hội giảng để chọn ra các giảng viên tiêu biểu và nâng cao lòng say nghề nghiệp cho các giảng viên nhất là các giảng viên trẻ mới tham gia vào hoạt động giảng dạy.

+ Công tác học sinh-sinh viên: các giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác quản lý học sinh, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của học sinh-sinh viên để giải quyết những yêu cầu nguyện vọng chính đáng của các em, nên các em yên tâm học tập và đạt kết quả học tập, rèn luyện khá tốt.

c. Về nghiên cứu và ứng dụng khoa học-công nghệ.

– Xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo: Trường đã xây dựng 9 chương trình đào tạo Cao đẳng, hàng năm tiến hành rà soát điều chỉnh cho phù hợp với chuẩn đầu ra và nhu cầu của các doanh nghiệp.

– Biên soạn giáo trình: Đã biên soạn 11 giáo trình Cao đẳng, chủ yếu là các giáo trình chuyên ngành và đang tiến hành xây dựng hàng chục giáo trình Cao đẳng khác.

– Thực hiện hàng chục mô hình giảng dạy cho HS-SV có thêm trang thiết bị thực tập.

– Công tác nghiên cứu khoa học: Trường đã thực hiện 7 đề tài nghiên cứu khoa học và 17 sáng kiến kinh nghiệm được Sở Giao thông vận tải Tp. HCM nghiệm thu trong các năm qua, trong đó có một số sáng kiến nổi bật như sau:

+ Cải cách hành chánh: Xây dựng và thực hiện quy trình biểu mẫu hồ sơ dự thi, kiểm tra và cấp, đổi bằng Thuyền – Máy trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định Bộ Giao thông vận tải;

+ Ứng dụng công nghệ mã nguồn mở xây dựng thư viện số trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

+ Chiến lược marketing nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh và quảng bá hình ảnh của trường giai đoạn 2012-2015.

+ Xây dựng lại Module Rim trong hệ thống chấm điểm tự động;

+ Thiết kế phần mềm học tập và hội họp trực tuyến;

+ Khảo sát hệ thống kế toán tại các HTX vận tải ở TP. Hồ Chí Minh (phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập của giảng viên và học sinh).

+ Thực hiện nhiều mô hình học cụ tự chế, tiết kiệm cho ngân quỹ hàng trăm triệu đồng.

d. Về các hoạt động phục vụ cộng đồng.

– Nhà trường có chủ trương thiết lập và nâng cao hiệu quả các mối quan hệ phối hợp với chính quyền, các cơ quan-đoàn thể tại địa phương để thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng như xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, thực hiện các phong trào về nguồn, kết nạp đảng cho HS-SV;

– Các hoạt động của Nhà trường trên lĩnh vực văn hóa-xã hội được thực hiện thường xuyên, với nội dung phong phú, góp phần tăng cường giáo dục pháp luật, mở rộng các hình thức giao lưu, hoạt động xã hội phù hợp với tuổi trẻ nhà trường;

– Trường đã đạt được những kết quả nổi bật trong việc tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương; tham gia các lực lượng dân quân, tự vệ do cơ quan quân sự địa phương tổ chức, các phong trào hiến máu nhân đạo, phòng chống ma túy, HIV/AIDS;

9. Đánh giá chung.

Qua quá trình hoạt động từ năm 2009 đến 2015 Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đã khẳng định:

a. Mặt mạnh.

– Ban lãnh đạo nhà trường đoàn kết, chung sức tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng của nhà trường như công tác chính trị, tư tưởng, công tác đào tạo, xây dựng và tổ chức bộ máy, chăm lo tốt cho đời sống giảng viên và người lao động, quản lý và đưa học sinh-sinh viên vào nề nếp;

– Mỗi người từ cán bộ quản lý đến giảng viên và nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, tự giác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

– Đội ngũ giảng viên có nhiệt huyết, kinh nghiệm giảng dạy, trình độ chuyên môn cao, tận tâm công tác, giảng dạy đạt khối lượng được giao và chất lượng giờ giảng tốt, được học sinh-sinh viên kính trọng và yêu mến;

– Nguồn lực tài chính tương đối khá, chăm lo khá tốt đời sống cho mọi người;

– Cơ sở vật chất khá khang trang, môi trường sư phạm thân thiện, đáp ứng yêu cầu cho giảng dạy và học tập.

b. Mặt yếu.

– Chương trình đào tạo của trường còn nặng tính truyền thống, chưa bám sát yêu cầu phát triển sản xuất-kinh doanh của xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp;

– Trình độ của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều, nhân sự của các khoa còn mới và mỏng. Giảng viên có một số chưa trãi qua kinh nghiệm sản xuất trên thực tiễn, còn thiếu kinh nghiệm nên hướng dẫn thực hành chưa sâu.

– Trang thiết bị được đầu tư chưa được nhiều và đồng bộ. Một số chuyên ngành kỹ thuật dù đã có chủ trương cấp trên cho đầu tư nhưng do thiếu vốn nên chưa triển khai đầu tư được.

10. Những bài học kinh nghiệm.

Qua nhiều năm hoạt động, nhà trường đã tích lũy được những bài học kinh nghiệm như sau:

– Việc tổ chức bộ máy quản lý-lãnh đạo đoàn kết, hoạt động có hiệu quả, giữ vững ổn định chính trị, mọi người yên tâm công tác là giá trị cốt lõi của nhà trường. Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Giám hiệu cùng các đoàn thể phối hợp hoạt động nhịp nhàng, không ngừng nâng cao năng lực quản lý các mặt hoạt động của nhà trường.

– Việc xây dựng được một đội ngũ giảng viên và nhân viên có tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm, có chuyên môn đã góp phần quan trọng trong hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

– Việc xây dựng văn phòng làm việc, phòng học khang trang, trang thiết bị giảng dạy tương đối đầy đủ đã góp phần quan trọng cho sự thành công của công tác giảng dạy, làm việc, học tập.

– Việc quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần và vật chất người lao động đã góp phần làm cho mọi người toàn tâm toàn ý cho công việc.

– Việc quan tâm đến chất lượng giờ giảng làm cho học sinh-sinh viên hăng hái thi đua học tập và rèn luyện.

11. Những giá trị cốt lõi.

– Trường xây dựng được một bộ máy hoạt động có hiệu quả. Cán bộ quản lý có năng lực và nhiệt tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

– Xây dựng được một đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, đạo đức nghề nghiệp tốt. Đội ngũ CB-GV-NV có tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm và khát vọng vươn lên.

– Bước đầu hình thành trường đa ngành, đa cấp hấp dẫn thanh niên đến học tập và công nhân đến nâng cao trình độ nghề nghiệp.

– Được sự thừa nhận của người dân và có uy tín đối với lãnh đạo địa phương và ngành trên các mặt đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu ứng dụng KH-CN và phục vụ cộng đồng để hoàn thành sứ mạng và thực hiện mục tiêu phát triển.

II. Bối cảnh phát triển Trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

Trong giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải hoạt động trong bối cảnh trên nhiều mặt như sau:

1. Bối cảnh quốc tế.

– Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh, cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thị trường; tiến bộ, công bằng xã hội; dân chủ - pháp quyền; hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, vì hòa bình và phát triển và cùng chung tay giải quyết những thách thức toàn cầu là xu hướng chung của nhân loại.

– Kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều khó khăn. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vẫn là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới. Vai trò trung tâm kết nối của ASEAN trong các thiết chế khu vực tiếp tục được khẳng định nhưng còn nhiều thách thức.

– Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tăng cường liên kết, vừa hợp tác vừa cạnh tranh, nhất là trong thương mại, đầu tư, nhân lực, khoa học, công nghệ. Hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế. Việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do đã có và tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN năm 2015 mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển, nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức.

– Tốc độ đổi mới và trình độ ứng dụng tri thức quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. KH-CN trở thành động lực cơ bản của sự phát triển KT-XH. Sự phát triển của KH-CN làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục trong các nhà trường, đồng thời đòi hỏi giáo dục phải cung cấp được nguồn nhân lực có trình độ cao.

– Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh của các nước đang phát triển để bảo vệ quyền lợi quốc gia. Cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia ngày càng trở nên khốc liệt, đòi hỏi các nước

phải đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động, đặt ra vị trí mới của giáo dục. Giáo dục trong thế kỷ 21 phải thực hiện được sứ mạng làm cho tiến trình toàn cầu hóa mang tính nhân văn, biến toàn cầu hóa thành điều có ý nghĩa đối với từng con người ở tất cả các quốc gia. Giáo dục suốt đời trở thành đòi hỏi và cam kết của mỗi quốc gia. Một số quốc gia trong ASEAN có trình độ phát triển giáo dục-đào tạo tương đương với các nước phát triển như Singapore, Malaysia.

– Công nghệ thông tin và truyền thông được ứng dụng trên quy mô rộng lớn ở mỗi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặt biệt trong giáo dục. Giáo dục từ xa đã trở thành một thế mạnh của thời đại, tạo nên một nền giáo dục mở, không phụ thuộc vào khoảng cách, thích ứng với nhu cầu của từng người học. Sự phát triển của các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông, công nghệ tin học tạo thuận lợi cho giao lưu và hội nhập văn hóa, nhưng cũng tạo điều kiện cho sự du nhập những giá trị xa lạ. Ở mỗi quốc gia đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, ngăn chặn những yếu tố ảnh hưởng đến an ninh của mỗi nước.

2. Bối cảnh trong nước.

– Sau 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn rất nhiều và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý và điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng-an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn hẹp.

– Nước ta tiếp tục quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nhằm thay thế hoàn toàn nền sản xuất thủ công bằng nền sản xuất dựa trên cơ khí và cơ điện tử, cơ cấu kinh tế tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng cường công nghiệp và dịch vụ, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trong giai đoạn tới phấn đấu tăng GDP đầu người một cách ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2016-2020 đạt 6.5-7%, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200-3.500 USD. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65-70% [6].

– Việc chủ động hội nhập sâu quốc tế và gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cũng như liên kết kinh tế với các nước phát triển tạo thêm nhiều thuận lợi cho quá trình phát triển KT-XH của đất nước.

– Nước ta tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục hoàn thiện, ngày càng trở nên đồng bộ, bao gồm cả thị trường sức lao động. Sự đóng góp của giáo dục-đào tạo vào việc gia tăng giá trị

sức lao động sẽ được thị trường đánh giá ngày càng chính xác và thừa nhận rộng rãi, làm tăng động lực học tập của mọi người.

3. Bối cảnh ngành giáo dục và đào tạo.

Ngành giáo dục và đào tạo sẽ thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 với các định hướng sau đây:

Trong những thập niên đầu thế kỷ 21 phấn đấu *"đưa nền giáo dục nước ta trở thành một nền giáo dục tiên tiến, khoa học, dân tộc, đại chúng, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hướng tới một xã hội học tập, có khả năng hội nhập quốc tế. Nền giáo dục này phải đào tạo được những con người Việt Nam có năng lực tư duy độc lập, phê phán và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm với cá nhân và cộng đồng, có năng lực nghề nghiệp, có năng lực học tập suốt đời, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, dám nghĩ, dám làm, ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và CHXH."*

a. Mục tiêu chung.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ.

– Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: thực hiện đồng bộ các cơ chế, giải pháp, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội:

+ Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân;

+ Đổi mới khung chương trình, tăng cường kỹ năng sống, giảm tải nội dung các bậc học phổ thông; nâng cao kiến thức chuyên sâu và tác phong công nghiệp trong đào tạo nghề; phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự nghiên cứu ở bậc Đại học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

– Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức:

+ Đổi mới cơ chế quản lý nhất là cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học, công nghệ công lập.

+ Thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu, khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai, minh bạch chi phí.

b. Mục tiêu cụ thể đối với giáo dục Đại học.

– Phân tầng và xếp hạng các cơ sở giáo dục Đại học theo 3 tầng và 3 bậc theo quy định của Chính phủ.

– Mở rộng quy mô, nâng tỷ lệ SV trên một vạn dân lên 350 vào năm 2020.

– Sinh viên sau khi tốt nghiệp ĐH phải là những con người trung thực, bản lĩnh, có ý chí lập thân, lập nghiệp; có sức khỏe tốt; có kiến thức hiện đại, kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc; có khả năng lao động sáng tạo, tư duy độc lập, phê phán và năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề; có tác phong lao động công nghiệp; có khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường lao động; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sử dụng ngoại ngữ và CNTT trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

c. Mục tiêu cụ thể đối với giáo dục nghề nghiệp.

– Vào năm 2020 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ khả năng tiếp nhận khoảng 20% số học sinh tốt nghiệp THCS và khoảng 30% số học sinh tốt nghiệp THPT vào học.

– Sau khi hoàn thành các chương trình đào tạo học sinh có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong học tập và làm việc, có năng lực tự học, có sức khỏe, có khả năng tham gia vào thị trường lao động quốc tế.

– Cùng với chiến lược giáo dục, ngành Đại học tiếp tục thực hiện quy hoạch mạng lưới các trường ĐH-CĐ giai đoạn 2006-2020 do Chính phủ công bố, trong đó có các chỉ tiêu cho giai đoạn tới:

+ Phấn đấu đạt 300 SV/1 vạn dân vào năm 2015 và 450 SV/1 vạn dân vào năm 2020. Đến năm 2020 có khoảng 70-80% SV ĐH được đào tạo theo các chương trình nghề nghiệp-ứng dụng và 20-30% SV được đào tạo theo các chương trình nghiên cứu;

+ Đến năm 2015 có trên 70% GV ĐH và trên 50% GV CĐ có trình độ thạc sỹ trở lên; có trên 50% GV ĐH và ít nhất 10% GV CĐ có trình độ tiến sỹ;

+ Đến năm 2020 có trên 90% GV ĐH và trên 70% GV CĐ có trình độ thạc sỹ trở lên; có trên 75% GV ĐH và ít nhất 20% GV CĐ có trình độ tiến sỹ;

+ Sau năm 2010 diện tích đất đai và diện tích xây dựng của các trường đạt chuẩn định mức quy định về diện tích bình quân trên 1 SV; hình thành các khu ĐH dành cho các Trường ĐH nước ngoài đầu tư vào Việt Nam;

+ Thu hút số lượng SV là người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Việt Nam đạt tỷ lệ 1,5% vào sau năm 2015 và đạt 5% vào năm 2020 so với tổng số SV cả nước.

4. Bối cảnh địa phương – thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian tới thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2015-2020 với các mục tiêu như sau:

a. Mục tiêu tổng quát.

Mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2015-2020 là:

– Phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững; tăng cường tiềm lực phát triển của thành phố vì sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

– Nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

– Đổi mới mạnh mẽ khoa học và công nghệ; nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phấn đấu đến năm 2020 hệ thống giáo dục và đào tạo thành phố được chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, hội nhập với các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và thế giới; nâng cao chất lượng các lĩnh vực y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

– Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm việc làm, bảo đảm an sinh xã hội.

– Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh-quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

b. Mục tiêu cụ thể.

– **Về an ninh, trật tự.**

+ Tăng cường an ninh, quốc phòng, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững hòa bình, ổn định và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh công tác 3 giảm, trong đó chú trọng công tác phòng chống nạn sử dụng và buôn bán ma túy;

+ Nâng cao hiệu quả, hiệu lực nhà nước pháp quyền XHCN, tạo bước chuyển biến mới về cải cách thủ tục hành chính, trong đó tăng cường chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp; đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

– **Về kinh tế.**

+ Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân trong 5 năm 2015-2020 tăng 8%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người đến cuối 2020 đạt 9.800 USD (năm 2015 đạt 5.538 USD/người) [7];

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2015-2020 chiếm bình quân 30% GRDP [7];

+ Khai thác và phát huy lợi thế, thế mạnh của các ngành, lĩnh vực, vùng đô thị, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Phát triển công nghiệp trên cơ sở đổi mới công nghệ; tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số ngành và sản phẩm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của thành phố. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ giá trị cao, các ngành vận tải, thương mại, du lịch; mở rộng và nâng cao sức mua của thị trường nội địa;

+ Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh hàm lượng KH-CN nhất là công nghệ cao, giảm sức tiêu hao năng lượng và vật tư nguyên liệu trong sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng dịch vụ, công nghiệp-xây dựng, nông lâm thủy sản, trong đó tỷ trọng của dịch vụ trong GRDP đến năm 2020 chiếm từ 56-58% (năm 2015 đạt 56%) [7];

+ Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động;

+ Tăng nhanh tiềm lực và khả năng tài chính thành phố; dự toán thu chi ngân sách 5 năm và hàng năm trên cơ sở kiến nghị Trung ương ổn định tỷ lệ điều tiết 2-3 thời kỳ; duy trì khả năng cân đối thu chi ngân sách, bố trí vốn chi cho đầu tư tăng dần hàng năm; phát triển bền vững thị trường tài chính và thị trường bất động sản;

+ Khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước (vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý) để xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố; tập trung xây dựng các công trình giao thông trọng điểm như phát triển mạng lưới giao thông công cộng đô thị, hoàn thiện hạ tầng giao thông đối ngoại, tuyến trục; các công trình chống ngập nước, phòng chống lụt bão; cấp nước sạch; trường học; cơ sở y tế cho các phường, xã nghèo;

+ Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với khu vực và thế giới để tận dụng tối đa các cơ hội để phát triển đất nước. Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực. Mở rộng và nâng cao rõ rệt hiệu quả kinh tế đối ngoại; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh tế. Phát huy nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào xây dựng đất nước và thành phố.

– Về KH-CN, văn hóa-giáo dục và xã hội.

+ Phát triển mạnh KH-CN. Tăng cường nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng chuyển giao KH-CN để phục vụ trực tiếp cho tiến trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước, chú trọng phát triển các ngành sử dụng công nghệ cao;

+ Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặt biệt coi trọng phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị doanh nghiệp giỏi, lực lượng lao động lành nghề và cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề. Đào tạo nguồn nhân lực cho nông thôn để thực hiện việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Phấn đấu đến cuối năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp đạt 85% trở lên [7];

+ Thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý lao động của Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát triển bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức;

+ Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp. Đổi mới căn bản công tác quản lý, hội nhập quốc tế, trong đó đổi mới cơ chế quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Đổi mới cơ chế tài chính; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng sau khi hoàn thành phổ cập giáo dục bậc THPT. Đến cuối năm 2020 đạt 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (3-18 tuổi) [7]. Phát triển mạnh và nâng cao giáo dục dạy nghề và chuyên nghiệp. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường ĐH-CĐ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ĐH, bảo đảm cơ chế tự chủ gắn với nâng cao trách

nhiệm của các cơ sở giáo dục đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng một số trường, khoa, chuyên ngành mũi nhọn, chất lượng cao.

+ Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp, bậc học. Tích cực chuẩn bị để từ sau năm 2015 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ. Nhà nước tăng đầu tư đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục. Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; mở rộng các phương thức đào tạo từ xa và trung tâm học tập cộng đồng. Thực hiện bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục;

+ Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng ngừa dịch bệnh, khám chữa bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, dược phẩm để bảo vệ sức khỏe của nhân dân;

+ Đẩy mạnh giải quyết việc làm, khuyến khích tạo động lực vươn lên làm giàu, thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển hệ thống an sinh xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội; ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng khó khăn; ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Cân đối dung hòa giữa phát triển dân số và nguồn lực phát triển kinh tế đảm bảo dân sinh;

+ Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, chú trọng xây dựng con người mới, nền văn hóa mới XHCN. Bảo tồn và phát huy mọi sắc thái và giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng động các dân tộc, giữ gìn sự thống nhất trong đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam, đi đôi với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc và sáng tạo nên những giá trị mới;

– Về dự báo phát triển dân số, giáo dục-đào tạo và giao thông vận tải đến năm 2020.

+ Dự báo đến năm 2020 dân số thành phố Hồ Chí Minh tăng đến mức 9 triệu người, chưa kể khách vãng lai và tạm trú (dưới 6 tháng). Mức gia tăng dân số hàng năm 2,24% (tăng bình quân 150.000 người/năm), tỷ lệ tăng tự nhiên 1,4%, tăng cơ học 0,84%;

+ Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: dưới tuổi lao động chiếm 32,8%, trong độ tuổi lao động chiếm 58,5%, trên độ tuổi lao động 8,7%.

+ Nhu cầu đào tạo nhân lực trẻ, lao động có kỹ năng tại thành phố là khá lớn.

+ Nhu cầu đào tạo mới và đào tạo lại chỉ riêng lĩnh vực giáo dục chuyên nghiệp là khá lớn. Để đáp ứng nhu cầu này các trường ĐH-CĐ và chuyên nghiệp

trên địa bàn thành phố phải năng động, sáng tạo để triển khai các đề án phát triển giáo dục có mức đầu tư đến hàng ngàn tỷ đồng nhằm tăng cường cơ hội học tập cho HS-SV và người lao động, đáp ứng nhu cầu tăng tỷ trọng lao động có chuyên môn nghề nghiệp lên 85% trong tổng số lao động (năm 2015 là 72%).

+ Kìm hãm và giảm dần số vụ ùn tắc giao thông; giảm tối thiểu từ 5% trở lên số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông hàng năm;

+ Tổng chiều dài đường làm mới là 364km; diện tích đường tăng thêm 8.754.233m2; xây mới 65 cầu;

+ Nạo vét luồng sông Soài Rạp giai đoạn 3 phục vụ cho tàu từ 50.000 tấn đầy tải đến 70.000 tấn giảm tải lưu thông;

+ Số lượt người tham gia vận tải hành khách công cộng đến 2020 đạt tối thiểu 700 triệu lượt hành khách mỗi năm.

5. Cơ hội và thách thức.

a. Các cơ hội.

– Quá trình hội nhập quốc tế với các trào lưu đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu, tác động đến nước ta, tạo cơ hội thuận lợi cho nước ta có thể nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tận dụng các kinh nghiệm quốc tế để đổi mới và phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với các nước khác. Hợp tác quốc tế được mở rộng tạo điều kiện tăng đầu tư từ các nước, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp nước ngoài cho giáo dục, tăng nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

– Sau 30 năm đổi mới, những thành tựu đạt được trong phát triển KT-XH, sự ổn định chính trị làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Sự đóng góp về nguồn lực của Nhà nước và nhân dân cho phát triển giáo dục ngày càng tăng lên. Việc hoàn thiện cơ chế thị trường trong nước tạo điều kiện cho giáo dục, nhất là giáo dục ĐH và chuyên nghiệp phát huy vai trò của mình đối với sự phát triển KT-XH cả nước và từng địa phương.

– Chiến lược phát triển giáo dục cả nước cũng như quy hoạch mạng lưới các trường ĐH-CĐ cả nước đặt ra các mục tiêu cũng như tạo ra các điều kiện để phát triển các trường ĐH-CĐ ở các vùng và các tỉnh trong đó có Trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

– Trường Cao đẳng Giao thông vận tải là một cơ sở Giáo dục Đại học, phát triển theo hướng nghề nghiệp-ứng dụng có cơ hội cùng với các trường ĐH-CĐ

đóng trên địa bàn thành phố và cả nước góp phần tích cực để giải quyết các yêu cầu về nhân lực cho xã hội. Đây là một hướng đi, mô hình mới cho giáo dục Đại học Việt Nam nhằm vào thị trường lao động toàn khu vực, huy động thêm nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, đồng thời gắn đào tạo với sử dụng tại địa phương.

b. Các thách thức.

– Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng KH-CN trên thế giới có thể làm cho khoảng cách kinh tế và tri thức giữa Việt Nam và các nước ngày càng gia tăng, nước ta có nguy cơ bị tụt hậu xa hơn. Hội nhập quốc tế không chỉ tạo ra cho giáo dục cơ hội phát triển mà còn chứa đựng nhiều hiểm họa, đặt biệt là nguy cơ xâm nhập những giá trị văn hóa và lối sống xa lạ làm xói mòn bản sắc dân tộc. Khả năng xuất khẩu giáo dục kém chất lượng từ một số nước có thể gây nhiều rủi ro lớn đối với giáo dục Việt Nam, khi mà năng lực quản lý giáo dục của ta đối với giáo dục xuyên quốc gia còn yếu, thiếu nhiều chính sách và giải pháp thích hợp để định hướng và giám sát chặt chẽ các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài;

– Ở trong nước sự phân hóa trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt. Sự phát triển giữa các địa phương không đồng đều. Điều này có thể làm tăng thêm tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền và giữa các đối tượng là người học.

– Yêu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn 2015-2020 không chỉ đòi hỏi số lượng lớn mà còn đòi hỏi chất lượng cao của nguồn nhân lực. Để tiếp tục tăng trưởng vượt qua ngưỡng các nước có thu nhập thấp, Việt Nam phải cấu trúc lại nền kinh tế, phát triển các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng và hàm lượng chất xám cao. Quá trình này đòi hỏi đất nước phải có đầy đủ nhân lực với trình độ thích hợp. Mặc dù 58,5% dân số nước ta ở trong độ tuổi lao động, nhưng trình độ của lực lượng lao động này còn thấp so với nhiều nước trong khu vực cả về năng lực nghề nghiệp và kỹ năng sống, còn thiếu nhân lực trình độ cao ở nhiều lĩnh vực. Cơ cấu đội ngũ lao động qua đào tạo chưa hợp lý. Nhu cầu nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng với cơ cấu hợp lý tạo nên sức ép rất lớn đối với giáo dục.

– Trong quá trình đó, giáo dục-đào tạo là yếu tố quan trọng giúp thành phố đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật, đồng bộ về cơ cấu, thích ứng với nghề nghiệp, phục vụ tốt yêu cầu phân công lại lao động, chuyển

dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của Thành phố, bảo đảm cho kinh tế phát triển bền vững.

– Trường Cao đẳng Giao thông vận tải nằm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là một trong 2 trung tâm GD-ĐT lớn nhất nước, nơi có 80 trường ĐH-CĐ với bề dày đào tạo ĐH trong nhiều năm. Do đó, để có thể tồn tại và phát triển bền vững, Trường phải nỗ lực rất lớn, cần quan tâm nhiều đến chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất; thực hiện chiến lược marketing; đáp ứng nhu cầu đa dạng của HS-SV cũng như của các nhà tuyển dụng lao động.

6. Các nhân tố chủ yếu tác động đến sự phát triển của Trường.

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển đi lên của Trường trong giai đoạn 2015-2020, sau đây là các nhân tố chủ yếu.

a. Các nhân tố bên ngoài Trường.

– Công tác quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua việc chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển và chương trình hành động 1215/QĐ-BGDDT giai đoạn 2015-2020, cũng như đề ra và kiểm tra chính sách đào tạo cụ thể tại các địa phương và các trường, tạo điều kiện để các trường, trong đó có Trường Cao đẳng GTVT tham gia các dự án, chương trình do Bộ quản lý đẩy nhanh quá trình phát triển;

– Công tác chỉ đạo của Đảng và Chính quyền các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục nghề nghiệp có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của Trường, nhất là quyết định 3036/2014 về tiêu chuẩn xây dựng trường tiên tiến trên địa bàn thành phố.

– Sản xuất phát triển mạnh cả về số lượng cũng như chất lượng, GDP trên đầu người tăng cao, nhu cầu sử dụng lao động được đào tạo của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất làm tăng nhu cầu đào tạo của trường.

b. Các nhân tố bên trong Trường.

– Phẩm chất, năng lực lãnh đạo-quản lý Nhà trường của đội ngũ lãnh đạo, trong đó có tầm nhìn chiến lược, khả năng quy tụ, đoàn kết, tạo lập sự đồng thuận giữa các đơn vị và cá nhân trong Trường để thực hiện mục tiêu chung; sự nhạy bén trong công tác quản lý trong điều kiện môi trường thường xuyên biến động;

– Phẩm chất, năng lực của đội ngũ giảng viên và nhân viên ngang tầm với nhiệm vụ được phân công; có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và gắn bó với Nhà trường;

– Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật bao gồm diện tích đất, phòng học, xưởng thực tập, nhà thi đấu thể dục-thể thao, thư viện, trang thiết bị giảng dạy cũng như khả năng tài chính có tác động rất lớn đến chất lượng giảng dạy và học tập của Trường.

---

[3] *Các báo cáo Hội nghị cán bộ - công chức hàng năm*.

[4] *Văn kiện Đại hội Đảng viên lần thứ VIII nhiệm kỳ 2015-2020 của Đảng bộ Trường Cao đẳng GTVT* – Tháng 4 năm 2015.

[5] *Các báo cáo Tổng kết năm học hàng năm của Trường CĐGTVT*.

[6] *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XII của Đại hội Đảng toàn quốc* - Tháng 02 năm 2015.

[7] *Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X (2015-2020)* – Tháng 7 năm 2015.

PHẦN THỨ BA
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2025

I. Xác định sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu.

1. Quan điểm phát triển

Để xác định phương hướng phát triển, Trường dựa trên một số quan điểm chính sau đây:

– Phát triển Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thật sự là trường chuyên ngành giao thông vận tải khu vực phía Nam.

Sự phát triển giáo dục-đào tạo thể hiện sự quan tâm thiết thực của Đảng, Nhà nước đối với thế hệ trẻ, tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt nhất nhằm nâng cao giá trị bản thân để sống và làm việc tốt hơn sau khi tốt nghiệp.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải là một bộ phận không tách rời của hệ thống giáo dục-đào tạo thành phố Hồ Chí Minh. Trường cần nỗ lực hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong toàn hệ thống. Sự phát triển của trường nằm trong tổng thể quá trình phát triển của thành phố, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo chuyên nghiệp của thành phố trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế.

Trường thường xuyên hướng tới đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài của thanh niên địa phương. Chủ yếu là đào tạo nhân lực có phẩm chất và năng lực.

– Tận dụng các cơ hội của thời đại hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài khu vực để phát triển.

Hội nhập quốc tế tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức trong phát triển. Đẩy mạnh các quan hệ hợp tác quốc tế, tìm cách tận dụng các cơ hội và vượt qua các thách thức. Trường hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các cơ sở giáo dục khác trong cả nước và trong khu vực có lợi cho sự phát triển chung của cả nước và khu vực.

– Quản lý Trường một cách năng động và hiệu quả, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực có thể khai thác từ quốc tế, từ trung ương đến địa phương để phát triển trường.

2. Sứ mạng của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải

Xây dựng thành công một trường đào tạo đa ngành, đa cấp, đem lại cho thế hệ trẻ kiến thức khoa học căn bản và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, nâng cao giá trị bản thân để có một tương lai tươi sáng dựa trên những phẩm chất trung thành, trung thực, tự tin, chuyên nghiệp, đoàn kết và quan tâm đến cộng đồng; hỗ trợ mong muốn của chính quyền thành phố trong việc phát triển ngành giao thông vận tải.

3. Tầm nhìn

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải là một trường Cao đẳng tiên tiến, có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và cơ sở vật chất kỹ thuật đạt chuẩn quốc gia; các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương nhất là trong lĩnh vực giao thông vận tải.

4. Mục tiêu nhà trường đến năm 2020

a. Mục tiêu chung

– Xây dựng trường cơ bản thành trường Cao đẳng tiên tiến vào năm 2020.

– Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo toàn trường, chú trọng đặc biệt đến bậc đào tạo Cao đẳng để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trên thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

b. Mục tiêu cụ thể

Để đạt được các tiêu chí của trường Cao đẳng tiên tiến vào năm 2020 theo quyết định 3036/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Trường cần thực hiện các mục tiêu cụ thể như sau:

– **Về phát triển đào tạo theo chiều sâu**

+ Quy mô: duy trì quy mô ổn định để tập trung nâng cao chất lượng. Đến năm 2020 Trường có quy mô đào tạo các hệ bậc hàng năm ổn định theo bảng sau:

STT	Bậc đào tạo	Quy mô đào tạo theo năm học					
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Đến 2025
1	Chính quy	3.500	3.600	3.700	3.800	3.900	4.500
2	Sơ cấp nghề	4.000	4.100	4.200	4.300	4.400	5.000
3	Bồi dưỡng, nâng bậc thợ	1.500	1.600	1.700	1.800	1.900	2.500
	Tổng cộng	**9.000**	**9.300**	**9.600**	**9.900**	**10.200**	**12.000**

+ Chất lượng: Xây dựng nhà trường đến năm 2020 theo hệ thống quản lý chất lượng tổng thể hoặc đạt chuẩn trường tiên tiến theo đánh giá ngoài của cơ quan kiểm định chất lượng:

✓ Kiện toàn công tác tổ chức, củng cố các phòng, khoa, trung tâm để đáp ứng được yêu cầu chất lượng đào tạo trong tình hình mới;

✓ Trang bị đầy đủ thiết bị chuyên dùng hiện đại cho nghiệp vụ văn phòng để tăng thêm hiệu quả quản lý.

– **Về xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**

+ Đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên: để đạt được các mục tiêu về quy mô và chất lượng đào tạo các bậc trình độ đào tạo, Nhà trường lập kế hoạch xây dựng đội ngũ giảng viên từ 2015-2020 và 2025 như sau:

	Số giảng viên, giáo viên cần có theo các năm học (người)					
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Đến 2025
Số giảng viên	110	120	130	140	150	170
Số giáo viên	56	60	65	70	75	90

+ Ngoài việc tuyển dụng tăng thêm số lượng giảng viên, giáo viên, Trường xác định tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ sau Đại học đến năm 2020 là 80%, các ngành chính có đều có giảng viên đạt trình độ tiến sĩ.

+ Đối với bộ phận quản lý: đến năm 2020 số cán bộ quản lý đạt 100% có trình độ Đại học, 50% có trình độ thạc sỹ và được bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý; nhân viên 85% có trình độ ĐH-CĐ. Ngoại ngữ và tin học 100% đạt chuẩn.

+ Có ít nhất 10% khối lượng của các chương trình đào tạo tại trường do các chuyên gia, doanh nhân, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, nhà quản lý có kinh nghiệm từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ở trong nước và nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề.

– **Về nghiên cứu và ứng dụng KH-CN**

+ Đến năm 2020 có ít nhất 30% cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và thực tế sản xuất hoặc thực hiện các nhiệm vụ, đề tài khoa học công nghệ, có công trình được công bố. Trong thời gian tới

Trường sẽ tiến hành các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH-CN theo những hướng chính:

+ Nghiên cứu về đào tạo
  - ✓ Hoàn thiện các chương trình khung và chi tiết các ngành đào tạo chính quy;
  - ✓ Biên soạn các giáo trình chuyên ngành cho tất cả các ngành đào tạo;
  - ✓ Nghiên cứu ứng dụng CNTT vào giảng dạy và quản lý giáo dục.
+ Nghiên cứu về kinh tế-xã hội thành phố
  - ✓ Phối hợp với ngành giao thông vận tải trong việc nghiên cứu ứng dụng một số công nghệ giao thông vận tải mới được áp dụng tại thành phố như mêtro, trung tâm điều khiển giao thông thông minh;
  - ✓ Nghiên cứu mô hình nhà trường, trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên ngành giao thông.

– **Về xây dựng cơ sở vật chất**

Trong thời gian tới, Trường sẽ tiếp tục tập trung đầu tư nhiều hơn cho việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, đáp ứng yêu cầu tăng cường thực tập, thực hành và thí nghiệm của sinh viên-học sinh.

Nhà trường thực hiện lại việc quy hoạch tổng thể mặt bằng tại cơ sở 2, theo đó trong từng giai đoạn nhà trường sẽ cải tạo dần cơ sở hiện tại thành các khối chức năng.

+ Khối giảng đường;
+ Khối thực hành, thực tập;
+ Khu sân tập thể dục thể thao;
+ Một số công trình phụ trợ khác.

– Đầu tư các trang thiết bị cho công tác quản lý cũng như giảng dạy, học tập.

– Ngoài một số hạng mục công trình được xây dựng mới và cải tạo, Trường tiến hành cải tạo môi trường, cảnh quan chung của trường cho phù hợp với định hướng phát triển và quy mô đào tạo của trường.

– **Về tăng cường nguồn lực tài chính**

Đến năm 2020 thực hiện tự chủ tài chính đối với các cơ sở sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ. Phấn đấu tăng vốn sự nghiệp hàng năm từ mức hiện có.

– **Về phục vụ cộng đồng và quảng bá thương hiệu**

+ Tham gia, phối hợp với địa phương tổ chức các hoạt động cộng đồng theo hướng thiết thực, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức để phục vụ ngày càng nhiều và tốt hơn cho cộng đồng. Qua đó góp phần nâng cao vị thế nhà trường. Cụ thể là tham gia các phong trào bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, về nguồn; các hoạt động phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao;

+ Hỗ trợ chính quyền trong việc tham gia nghiên cứu các giải pháp khoa học-công nghệ chống ùn tắc giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông, phân luồng giao thông hợp lý để giải quyết ùn tắc trong các giai đoạn cao điểm, tuyên truyền trong đội ngũ CB-GV-NV và học sinh-sinh viên chấp hành tốt pháp luật giao thông, xây dựng nếp sống có văn hóa trong giao thông;

+ Tiếp tục quảng bá thương hiệu thông qua công tác tư vấn tuyển sinh và công tác giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

II. Các giải pháp thực hiện chiến lược từ 2015 đến năm 2020.

1. Phát triển đào tạo theo chiều sâu.

– (1) Tuyển sinh các ngành nghề đủ số lượng và có chất lượng tốt;

– (2) Thiết kế lại chương trình đào tạo theo cấu trúc tín chỉ (học phần), tích hợp giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường thời lượng thực tập, thực hành, thí nghiệm của sinh viên hạn chế việc học lý thuyết đơn thuần, phần lớn các môn học đều có phần thí nghiệm hoặc thực hành hoặc thực tập để sinh viên học sinh phân tích sâu kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp; đảm bảo tỷ lệ thực hành đạt 60-70% trong tổng thời lượng học;

– (3) Cải tiến công tác tổ chức đào tạo để tăng cường tính thiết thực và đạt hiệu quả: tăng cường kết nối với doanh nghiệp để đưa học sinh thực tập nghề nghiệp, nâng cao kỹ năng chuyên môn; xác định các ngành trọng điểm thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;

– (4) Đổi mới phương pháp sư phạm, áp dụng các phương pháp sư phạm mới như nghiên cứu tình huống, học cách giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm và để nâng cao tính tích cực, chủ động và hiệu quả trong học tập;

– (5) Cải tiến phương pháp đánh giá kết quả học tập: tiếp tục xây dựng ngân hàng đề thi, áp dụng đại trà phương pháp kiểm tra các môn lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm khách quan, công khai các đề thi tự luận cũng như thực hành.

– (6) Tiếp tục liên kết với các trường Đại học để đào tạo liên thông lên bậc Đại học, giao lưu với các trường để chia sẽ, trao đổi kinh nghiệm đào tạo.

– (7) Hoàn tất thực hiện đánh giá trong và đánh giá ngoài nhà trường theo tiêu chuẩn trường Cao đẳng do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành. Tiến tới hoàn thiện các tiêu chí căn bản của trường Cao đẳng tiên tiến.

2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy.

– (1) Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2015-2020, bảo đảm về số lượng và nâng cao chất lượng, theo hướng đạt trình độ chuẩn, trẻ hóa, có tính kế thừa bền vững; ưu tiên bổ sung, đào tạo kịp thời đội ngũ giảng viên có chất lượng. Nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên, tích cực thực hiện các đề án đào tạo giảng viên có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ với 3 phương án: đào tạo trong nước, đào tạo ở nước ngoài và kết hợp đào tạo trong nước với nước ngoài gắn liền với cách tiếp cận, tuyển chọn, bố trí, đánh giá giảng viên theo quy định của ngành;

– (2) Tuyển các giảng viên có trình độ trên Đại học đã tốt nghiệp các ngành nghề phù hợp với Trường, đặc biệt là từ chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ của thành phố;

– (3) Khuyến khích và tạo điều kiện cho số giảng viên trẻ của Trường đi học sau Đại học theo các chuyên ngành phục vụ cho mục tiêu đào tạo của Trường. Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho số GV không có đủ điều kiện theo học sau Đại học để nâng cao chất lượng đội ngũ và đủ điều kiện tham gia giảng dạy bậc Cao đẳng;

– (4) Mời giảng viên ngoài Trường: Trường sẽ mời một số giảng viên có trình độ sau Đại học ở các Trường Đại học Giao thông vận tải, Đại học Sư phạm kỹ thuật tham gia giảng dạy và các trường khác. Đồng thời mời một số kỹ sư lâu năm là các cán bộ kỹ thuật giỏi tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tham gia giảng dạy nhằm mục đích gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết trong Nhà trường với thực tế sản xuất;

– (5) Tạo cơ chế thuận lợi để mời gọi nhân lực có trình độ cao về cộng tác và làm việc tại Trường;

– (6) Bồi dưỡng cho cán bộ quản lý các cấp đáp ứng các tiêu chuẩn để thực hiện tốt các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

3. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và quan hệ quốc tế.

– (1) Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học-công nghệ phù hợp với sứ mạng của Trường. Phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong giảng viên, xem đó là nhiệm vụ bắt buộc đối với giảng viên; tạo điều kiện cho cán bộ-giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến;

– (2) Đổi mới phương thức nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên theo hướng nâng cao tác dụng, hiệu quả của đề tài nghiên cứu khoa học; thúc đẩy ứng dụng đề tài, sáng kiến vào việc giải quyết các vấn đề bức xúc của ngành giai thông vận tải thành phố hiện nay; từng bước độc lập một phần kinh phí hoạt động. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý của Trường. Xúc tiến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên;

– (3) Tăng thêm số các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí và các ấn phẩm khoa học khác; các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường;

– (4) Mở rộng hợp tác nghiên cứu của Trường với các tổ chức nghiên cứu khoa học trong thành phố và các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

4. Tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật.

– (1) Quy hoạch lại mặt bằng cơ sở 2 để có hướng lập đề án xin đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2015-2020;

– (2) Đảm bảo đủ diện tích khu thể dục thể thao theo quy định; đủ trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao;

– (3) Đầu tư phòng thí nghiệm ngành điện-điện tử, các phòng học thực hành môn ngoại ngữ, tin học và các chuyên ngành khác.

5. Phát triển nguồn tài chính.

– (1) Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước; thực hiện nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2015-2020 theo một lộ trình chặt chẽ.

– (2) Tăng thu nhập cho Trường thông qua các hoạt động ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao theo nhu cầu xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục;

– (3) Thực hiện công khai tài chính để cán bộ-giảng viên-công nhân viên biết và tham gia kiểm tra giám sát;

– (4) Tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân để phát triển. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để tăng nguồn vốn đầu tư.

6. Phục vụ cộng đồng và quảng bá thương hiệu.

– (1) Xây dựng, tổ chức lực lượng tác chiến phục vụ cộng đồng trong điều kiện bình thường cũng như trong các trường hợp đột xuất;

– (2) Phối hợp tổ chức và tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trong cộng đồng; Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện, các phong trào về nguồn;

– (3) Phối hợp với các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp trong các hoạt động phục vụ cộng đồng.

– (4) Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu theo định kỳ hoặc thường xuyên qua công tác tư vấn tuyển sinh, giới thiệu học sinh tốt nghiệp ra trường và củng cố, mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp.

III. Các chương trình hành động thực hiện chiến lược.

1. Chương trình 1.

– Tên chương trình: Nâng cao chất lượng các ngành nghề đang đào tạo.

– Mục tiêu: nâng cao chất lượng đào tạo cho HSSV ra trường.

– Các hoạt động:

+ Kiểm định ngoài công tác tổ chức đào tạo;

+ Đánh giá chương trình đào tạo cũ, xác định lại mục tiêu, chuẩn đầu ra, lập tiến trình đào tạo; Xây dựng hoàn chỉnh ngân hàng đề thi;

+ Xây dựng đề cương chi tiết các học phần và biên soạn giáo trình chuẩn;

+ Xác định các ngành đào tạo trọng điểm;

+ Tăng cường kết nối với doanh nghiệp cho học sinh thực tập nghề nghiệp.

– Điều kiện: Xây dựng hoàn chỉnh học chế tín chỉ, áp dụng học chế này vào tổ chức công tác đào tạo vào năm học 2015-2016.

– Thời gian thực hiện:

+ Kiểm định ngoài: năm 2020 hoàn tất.

+ Hoàn thiện chương trình đào tạo năm 2015, mỗi 3 năm (đến năm 2018) điều chỉnh lại. Xác định chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học: công bố năm 2015, áp dụng cho HS TCCN năm 2017 cho SV Cao đẳng năm 2018.

+ Đề cương chi tiết các học phần, giáo trình và ngân hàng đề thi thực hiện hàng năm để đến năm 2020 có hoàn chỉnh các tài liệu này.

2. Chương trình 2.

– Tên chương trình: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên

– Mục tiêu: ổn định quy mô số lượng GV và nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ chủ chốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, đáp ứng nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực của trường Cao đẳng tiên tiến.

– Các hoạt động:

+ Đánh giá nhu cầu nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn;

+ Xây dựng các chính sách bồi dưỡng cử đi học các lớp quản lý, chuyên môn nghiệp vụ;

+ Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và GV theo chương trình hợp tác quốc tế:

✓ (1) Bồi dưỡng về Hệ thống quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và các công cụ liên quan;

✓ (2) Xây dựng thương hiệu giáo dục;

✓ (3) Bồi dưỡng ngoại ngữ và giao tiếp quốc tế;

✓ (4) Kỹ năng sống trong xã hội hiện đại;

✓ (5) Hiểu biết về nền kinh tế mới và những chuyển biến trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, ASEAN;

✓ (6) Các xu hướng phát triển công nghiệp – thương mại – dịch vụ của các đô thị hiện đại và của thành phố Hồ Chí Minh;

✓ (7) Kỹ thuật phân tích nhu cầu đào tạo nhân lực;

✓ (8) Các phương pháp sư phạm mới;

✓ (9) Chuyên môn kỹ thuật và thực hành;

✓ (10) Thiết kế và thực hiện thiết bị đào tạo (đối với một số thiết bị công nghệ cao, kỹ thuật mới).

– Điều kiện: định hướng theo các chính sách cán bộ của các cấp quản lý và của Trường, nguồn tuyển chọn, nguyện vọng và năng lực nâng cao trình độ của GV hiện nay, kinh phí.

– Thời gian thực hiện: trải đều cho cả 5 năm của giai đoạn 2015-2020.

3. Chương trình 3.

– Tên chương trình: Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KH-CN phục vụ giảng dạy và quản lý đào tạo. Thiết lập hợp tác quốc tế.

– Mục tiêu: nghiên cứu sâu về chuyên ngành đào tạo, phương pháp sư phạm và các giải pháp, sáng kiến nâng cao năng lực quản lý.

– Các hoạt động:

+ Đánh giá nhu cầu NCKH phục vụ công tác giảng dạy và quản lý của trường;

+ Đăng ký đề tài và xin cấp kinh phí;

+ Chuẩn bị đội ngũ chủ trì và tham gia thực hiện;

+ Xây dựng đề cương nghiên cứu và tổ chức thực hiện.

+ Thiết lập hợp tác quốc tế.

– Điều kiện: có đủ kinh phí hoạt động cấp cho công tác nghiên cứu khoa học. Kinh phí động viên được cán bộ, giảng viên thực hiện một số đề tài có giá trị cao, có thể áp dụng cho ngành.

– Thời gian thực hiện: đến 2020 có ít nhất 30% giảng viên nghiên cứu khoa học. Các phòng, khoa, TT hàng năm đều có giải pháp, sáng kiến nâng cao năng lực quản lý, tổ chức giảng dạy, chuyển đổi phương pháp sư phạm.

4. Chương trình 4.

– Tên chương trình: Xây dựng, cải tạo trường.

– Mục tiêu: có đủ cơ sở vật chất-kỹ thuật đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn trường Cao đẳng tiên tiến về diện tích tính trên đầu sinh viên và trang thiết bị, máy móc thực hành, thực tập.

– Hoạt động: quy hoạch và thực hiện đề án xây dựng trường sở tại Cơ sở 2 và bổ sung thêm trang thiết bị dạy học; Cũng cố và nâng cấp các công trình hiện có.

– Điều kiện: thành phố chấp thuận chủ trương và cấp kinh phí cho đầu tư cải tạo, nâng cấp Cơ sở 2.

– Thời gian thực hiện: xuyên suốt cả giai đoạn 2015-2020.

5. Chương trình 5.

– Tên chương trình: Tăng cường nguồn lực tài chính;

– Mục tiêu: tìm kiếm và tăng cường nguồn lực tài chính từ nguồn ngân sách cũng như các nguồn vốn hợp pháp khác, cơ bản nguồn thu bù đủ chi hàng năm và phấn đấ tự chủ tài chính vào năm 2020.

– Hoạt động:

+ Xây dựng nhu cầu tổng kinh phí hoạt động nhà trường hàng năm và cho cả 5 năm 2015-2020;

+ Củng cố và mở rộng các nguồn thu phục vụ đào tạo và dịch vụ hỗ trợ đào tạo;

+ Tiết kiệm chi để tạo tích lũy, có dự phòng và ổn định, nâng cao đời sống cán bộ, giảng viên, công nhân viên;

– Điều kiện: ổn định các nguồn thu hiện có, không có biến động lớn về quy mô học sinh sinh viên và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo.

6. Chương trình 6.

– Tên chương trình: phục vụ cộng đồng và quảng bá thương hiệu

– Mục tiêu: đẩy mạnh các hoạt động phục vụ cộng đồng và nghiên cứu để quảng bá thương hiệu dựa trên cơ sở chính là chất lượng đầu ra của sinh viên-học sinh với các phương pháp, hình thức quảng bá sáng tạo và hợp lý.

– Các hoạt động:

+ Tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hỗ trợ người nghèo, hỗ trợ các hoạt động của ngành giao thông vận tải, quan tâm đến HSSV có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó trong học tập.

+ Công bố chuẩn đầu ra, sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi của Trường.

+ Lập chiến lược marketing quảng bá thương hiệu dài hạn với các phương pháp, hình thức phù hợp thông qua các dịp như ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông như báo, đài.

– Điều kiện: có kế hoạch cụ thể cho từng nội dung và lập dự toán chi phí phù hợp, tạo ra các mối quan hệ rộng rãi với các đối tượng và thành phần ngoài Trường như các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội.

– Thời gian thực hiện: xuyên suốt cho cả giai đoạn.

IV. Các bước thực hiện chiến lược

Chiến lược phát triển của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải 2015-2020, tầm nhìn 2025 được chia ra thành các bước chính như sau:

– **Giai đoạn từ 2015-2018**.

+ Ổn định quy mô và ngành đào tạo, nâng cao dần chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về nguồn nhân lực kỹ thuật cao của thành phố;

+ Tăng cường hợp tác trong nước và thiết lập hợp tác ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo cơ hội học tập tốt hơn cho học sinh-sinh viên.;

– **Giai đoạn từ 2018-2020.**

+ Ổn định hoặc chỉ tăng quy mô một cách hợp lý;

+ Tập trung vào việc nâng cao chất lượng bậc học Cao đẳng.

V. Tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

1. Tổ chức thực hiện.

Sau khi được cấp có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Giao thông vận tải 2015-2020, tầm nhìn 2025 được phổ biến và

triển khai thực hiện sâu rộng đến toàn bộ CB-GV-CNV của Trường. Bên cạnh đó, Chiến lược còn được phổ biến rộng rãi ra ngoài để thu hút được sự ủng hộ của các đối tác quan tâm, góp sức thực hiện Chiến lược như cơ quan chủ quản, phụ huynh HS-SV, hội cựu HS-SV, các tổ chức và cá nhân quan tâm khác. Hằng năm quảng bá thương hiệu Trường trong dịp tuyển sinh, trong các hoạt động văn thể trong và ngoài Trường.

Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch Chiến lược chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược. Kế hoạch hằng năm và các kế hoạch khác của Trường sẽ được định hướng theo kế hoạch Chiến lược; ngược lại kế hoạch Chiến lược sẽ được tích hợp vào kế hoạch hàng năm và các kế hoạch khác của Trường.

2. Hệ thống chỉ số kiểm tra.

Việc thực hiện Chiến lược sẽ được đánh giá theo các chỉ số kiểm tra về Đào tạo-Bồi dưỡng; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Phục vụ cộng đồng; Xây dựng đội ngũ; Xây dựng cơ sở vật chất, tài chính; Các quan hệ hợp tác; Công tác quản lý theo các chỉ số nêu trong tiêu chí trường Cao đẳng tiên tiến và cập nhật các tiêu chuẩn khác của ngành.

Các tiêu chuẩn đánh giá Trường quy định trong công tác kiểm định trường Cao đẳng do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

3. Các mốc đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

- Theo các bước thực hiện Chiến lược;
- Theo kiểm điểm thực hiện kế hoạch hàng năm của Trường.

PHẦN THỨ BA
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X và Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân thành phố về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2015-2020; các ngành các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân thành phố trong đó có Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đã nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, đã đạt được những mục tiêu mà Nhà trường đề ra, đã có những đóng góp cho sự nghiệp phát triển KT-XH của thành phố cũng như của ngành giao thông vận tải. Trường đáp ứng nhu cầu cấp bách của thành phố về việc xây dựng các cơ sở đào tạo kỹ thuật có chất lượng, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của thế hệ trẻ và người lao động thành phố. Trường cũng đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng sản xuất của ngành giao thông vận tải thành phố, đặc biệt là yêu cầu đổi mới về công nghệ và thiết bị, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ chuyên nghiệp đến đầu tư sản xuất kinh doanh ở thành phố, tăng cường thu hút đầu tư vào thành phố, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống cộng đồng, ổn định chính trị và an ninh quốc phòng, phát triển KT-XH trong giai đoạn 2011-2020.

Trong quá trình đóng góp cho sự phát triển KT-XH của thành phố, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đồng thời cũng được những thụ hưởng mà thành phố mang lại, thúc đẩy Trường ngày càng phát triển mạnh mẽ. Việc đầu tư phát triển Trường có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để hình thành một trường đào tạo trọng điểm, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật có chất lượng và hiện đại tầm cỡ khu vực, có điều kiện giao tiếp quốc tế, tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại, xây dựng những ngành học mũi nhọn của ngành giao thông vận tải, đáp ứng nhu cầu và hỗ trợ thành phố triển khai ứng dụng các tiến bộ KH-CN vào thực tiễn phát triển ngành giao thông vận tải thành phố.

Trường sẽ góp phần tốt nhất vào việc đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ có kỹ năng, tay nghề giỏi, có kiến thức cần thiết về kỹ thuật hiện đại và công nghệ tiên tiến, góp phần tiết kiệm kinh phí đầu tư cho đào tạo của xã hội. Trường có điều kiện nâng cao năng lực, cải thiện cuộc sống cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên. Kế hoạch được thực hiện sẽ đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đạt trình độ quản lý và giảng dạy các chương trình tiên tiến, tăng thu nhập trung bình của CBQL-GV do hiệu quả hoạt động và chất lượng đào tạo đem lại, cũng như tham gia vào các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án giao thông vận tải.

Trong quá trình hoạt động, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đã nỗ lực không ngừng, hăng hái thi đua giảng dạy tốt, học tập tốt với phương châm "Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn sản xuất", thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trường từng bước trưởng thành, phấn đấu vươn lên, vượt qua khó khăn, thách thức, kiên trì khẳng định vị trí trong hoạt động giáo dục-đào tạo, và bước đầu nghiên cứu khoa học-công nghệ; thực hiện hài hòa quan điểm phát triển giáo dục phải vừa gắn chặt với yêu cầu phát triển đất nước vừa phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại, đa dạng hóa hình thức đào tạo, bậc học, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Quán triệt tinh thần các nghị quyết của Đảng, Chiến lược phát triển giáo dục của đất nước, các chủ trương, chính sách cụ thể của thành phố, tập thể CB-GV-CNV Trường quyết tâm phấn đấu vươn lên bằng nhiều giải pháp năng động, mở ra nhiều ngành, nghề, loại hình đào tạo mà xã hội đang có nhu cầu. Nhà trường không những chỉ coi trọng về quy mô đào tạo mà còn luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Sinh viên-học sinh của Trường sau khi tốt nghiệp hội đủ các chuẩn đầu ra như phẩm chất chính trị tốt, có trình độ nghề nghiệp vững chắc, tay nghề thành thạo, có kỹ năng mềm về ngoại ngữ và tin học, khả năng nắm bắt thông tin KH-CN, kiến thức quản lý, có ý thức vươn lên trong công tác và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế thị trường. Với tinh thần chịu trách nhiệm về chất lượng của người học, tập thể sư phạm Nhà trường luôn cổ vũ, khuyến khích các phong trào thi đua học tập để ngày càng có nhiều học sinh xuất sắc, giỏi, khá tích cực

tham gia các hoạt động xã hội, vươn lên lập thân, lập nghiệp, cống hiến ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải hoàn toàn có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo nguồn lực lao động chất lượng cao cho thành phố, có khả năng tiếp tục phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý; bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động theo hướng theo hướng đa dạng hóa về hình thức, loại hình và trình độ đào tạo; phối hợp tổ chức liên thông, liên kết đào tạo lên trình độ Đại học nhằm đáp ứng mọi cấp bậc trình độ đào tạo theo yêu cầu người học cũng như của doanh nghiệp.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải làm tốt việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, bao gồm vốn ngân sách, vốn từ khu vực tư nhân, các quỹ đầu tư phát triển, thực hiện tốt tiến độ các công trình dự án. Nhà trường từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, đáp ứng cho yêu cầu đào tạo bồi dưỡng theo hướng hiện đại; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng bền vững, nâng cao uy tín và vị thế Nhà trường trong bối cảnh đổi mới chất lượng giáo dục-đào tạo hiện nay.

Hiện nay Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đang đứng trước thời cơ và thách thức mới, cả nước đang chuẩn bị thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2011-2020, ngành giáo dục-đào tạo xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển ngành 2011-2020, thành phố thực hiện Nghị quyết BCH Đảng bộ lần thứ IX về kế hoạch phát triển KT-XH của Thành phố giai đoạn 5 năm 2015-2020 trong bối cảnh hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và đẩy mạnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước. Trong tình hình đó Trường Cao đẳng Giao thông vận tải vạch ra Chiến lược phát triển của Trường cho giai đoạn 2015-2020 nhằm thực hiện một cách chủ động và sáng tạo chủ trương của cả nước và của Thành phố, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, xây dựng thành công một trường Cao đẳng tiên tiến, thực hiện tốt sứ mạng của mình.

II. Kiến nghị.

– Ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ban, ngành xem xét và chấp thuận những nội dung có trong Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng GTVT giai đoạn

2015-2020, làm cơ sở cho nhà trường thực hiện các giải pháp đề ra trong chiến lược.

– Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương cho quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất tại cơ sở 2, Quận 12.

– Sở Giao thông vận tải thành phố xem xét, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Giao thông vận tải giai đoạn 2015-2020, đưa Trường sớm trở thành trường Cao đẳng tiên tiến.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

HOÀNG HOÀI NAM